

# Mục Lục

**1. Thánh Têrêxa Hàì Đồng GiêSu, Đồng Trinh (1873 – 1897)**

Ngày 01-10

**2. Các Thiên Thần Bản Mệnh**

Ngày 02-10

**3. Thánh Phanxicô Assisis (1181 – 1226)**

Ngày 04-10

**4. Thánh Brunô, Linh Mục (1035 – 1101)**

Ngày 06-10

**5. Thánh Mẫu Mân Côi**

Ngày 07-10

**6. Thánh Dionysiô Và Các Bạn Tử Đạo**

Ngày 09-10

**7. Thánh Gioan Leonđô, Linh Mục (1541 – 1609)**

Ngày 09-10

**8. Thánh Callistô I, Giáo Hoàng Tử Đạo (+222)**

Ngày 14-10

**9. Thánh Têrêxa Avila, Đồng Trinh, Tiến Sĩ Hội Thánh (1515 – 1585)**

Ngày 15-10

**10. Thánh Magarita Maria Alacoque, Đồng Trinh (1647 – 1690)**

Ngày 16-10

**11. Thánh INHAXIÔ Thành Antiokia, Giám Mục Tử Đạo (+107)**

Ngày 17-10

**12. Thánh Luca Thánh Sử (Thế Kỷ I)**

Ngày 18-10

**13. Thánh Phaolô Thánh Giá (1694 – 1775)**

Ngày 19-10

**14. Các Thánh Tử Đạo Miền Bắc Mỹ (Thế Kỷ XVII)**

Ngày 19-10

**15. Thánh Gioan Capistranô, Dòng Phanxicô (1386 – 1456)**

Ngày 23-10

**16. Thánh Antôn Maria Claret, Giám Mục Tổ Phụ Dòng Trái Tim Vẹn Sạch Mẹ Maria (1807 – 1870)**

Ngày 24-10

**17. Thánh Hedviga, Nữ Tu (1174 – 1243)**

Ngày 26-10

**18. Thánh Simon Tông Đồ**

Ngày 28-10

**19. Thánh Giuđa Tông Đồ**

Ngày 28-10

# 1

## Thánh Têrêxa Hài Đồng GiêSu, Đồng Trinh (1873 – 1897)

Ngày 01-10

Thánh Têrêxa trong Hài Đồng Giêsu sinh ngày 2 tháng giêng năm 1873 tại Alencon, nước Pháp. Ngài là con thứ chín của hai ông bà Louis Martin và Xélie Guérin.

Trước kia hai ông bà đã có ý nguyện dâng mình phục sự Chúa trong tu viện mà không thành. Bù lại, năm người con còn sống đều đã hiến thân theo đời sống tu trì. Khi sinh ra Têrêxa, mẹ Ngài đã nói:

– Tôi chỉ ao ước có nhiều con để dẫn chúng về trời.

Nhưng khi mới lên bốn, Têrêxa đã mất mẹ, bà chết vì căn bệnh ung thư. Nhưng được sự dịu hiền của người cha đã bao bọc thánh nữ suốt quãng thời thơ ấu. Một buổi chiều, níu tay cha, Têrêxa chỉ nhìn lên trời mà nói:

– Cha ơi ! xem kia, tên con đã được viết trên trời.

Dù còn nhỏ từ tuổi lên ba, Ngài nhớ rằng mình đã không từ chối Chúa điều gì. Ngài đã cố sửa tính cứng đầu, ích kỷ và hay

thay đổi. Lúc lên mười, Ngài ngã bệnh nặng. Nhưng Ngài đã thấy tượng Đức Trinh Nữ mỉm cười với mình và cơn bệnh biến mất.

Têrêxa luôn nghĩ tới những sự trên trời, Ngài nói rằng: “Chúa Giêsu đã chết trên thánh giá để cứu rỗi các linh hồn, nhưng thật đáng buồn khi có rất nhiều người không đáp lại lời mời gọi của Chúa. Bởi thế, thánh nữ đã cầu nguyện và thống hối để đưa các linh hồn về trời. Có một kẻ cướp tên là Pranzini bị kết án tử hình. Thánh nữ đã tự ý cầu nguyện cho hắn được ơn hối cải. Ngài còn xin một dấu chỉ chứng tỏ hắn hối cải. Và rồi, tên cướp đã từng từ chối sự giúp đỡ của linh mục, lúc lên đoạn đầu đài, bỗng quay nhìn thánh giá và hôn ba lần.”

Từ nhỏ đã quyết nên thánh, Têrêxa muốn được sớm tận hiến cho Chúa. Mười lăm tuổi, Ngài đã ước ao được gia nhập dòng kín. Không được phép, Ngài hành hương đi Rôma để xin phép Đức giáo hoàng, Đức Leo XIII đã chỉ trả lời:

– Nếu Chúa muốn.

Đức giám mục Bayyeux đã cho phép Ngài vào dòng ngay. Nơi đây đã có ba người chị của Ngài. Nhận được tên Têrêxa Của Chúa Giêsu Hải Đồng, Ngài thêm và của Thánh Nhan. Ngày khấn dòng, Ngài cầu nguyện:

– Ôi Chúa Giêsu, con xin ơn bình an và tình yêu vô bờ bến. Xin cho con được tử đạo trong lòng hay nơi thân xác, hay tốt hơn, được tử đạo cả hai.

Chính nhờ “đường con thơ tin tưởng và phó thác” mà thánh nữ đạt đến tuyệt đỉnh thánh thiện và hoàn tất ơn gọi sống tình yêu và đau khổ, Ngài đã:



– Quyết không bỏ qua một hy sinh nhỏ bé nào.

Ngài đã chịu bề trên hiểu lầm và đối xử một cách nghiêm khắc, chịu giá lạnh và hy sinh liên tục, Ngài bị trách mắng bất công, bị thử thách đủ loại, mà chỉ đáp lại bằng nụ cười. Người ta chỉ gặp thấy nơi Ngài thứ sánh sáng an bình và không thể đoán biết nổi những đau khổ mà dường như Ngài muốn dấu cả Chúa nữa:

– Con cố gắng mỉm cười khi phải đau khổ... để Chúa nhân lành như bị lừa bởi dáng vẻ bề ngoài, cũng không biết rằng: con phải đau khổ nữa.

Lạnh lẽo Ngài không chà tay, đau chân Ngài chú ý kéo chân đi khắp khiêng, Ngài âm thầm thực hiện những việc giúp đỡ phiền hà nhất. Một chị bạn làm bể chiếc bình, nhưng Ngài bị la rầy mà Ngài vẫn cúi đầu nhận lỗi. Một chị bạn đã găm kim vào da thịt Ngài khi giúp Ngài đội khăn mà Ngài vẫn cảm ơn không hề kêu trách. Một nữ tu già kỳ chướng cần được sự giúp đỡ, Têrêxa tận tụy phục vụ bà và chỉ mỉm cười đáp lại những phiền trách của bà.

Người ta hỏi Ngài:

– Chị nói thế nào là ở như một trẻ thơ trước mặt Chúa?

Ngài trả lời:

– Là khiêm tốn đón chờ mọi sự bởi Chúa nhân lành, như một trẻ thơ chờ đón tất cả bởi tay cha nó. Mọi sự khác chẳng quan hệ gì.

Thật viễn vông khi muốn vài chục người chung quanh quý chuộng. Tôi chỉ mong được yêu thương ở trên trời bởi vì chỉ ở trên đó mới hoàn hảo mà thôi.

Ngài không đòi được soi sáng nữa, khiêm tốn và phó thác, Ngài tin rằng:

– Tôi không mơ ước được thấy Chúa và các thánh của Ngài như nhiều người khác ao ước được nhìn thấy và thấu hiểu mọi sự, mà chỉ muốn ở lại trong cuộc sống đức tin.

Giáo thuyết rất đơn sơ, nhưng sâu sắc của Ngài được nuôi dưỡng không ngừng bằng những suy ngẫm và được trình bày trong cuốn MỘT TÂM HỒN. Chị Ngài, mẹ ANÊ thời đó, đã truyền cho Ngài viết lại những ý ức này. Sợ rằng việc này “làm phân tâm”, nhưng vì vâng lời Ngài đã thực hiện. Thế là chúng ta có được một sứ điệp khôn sánh về đức khiêm hạ, sức mạnh tình yêu và phó thác. Con người muốn bé nhỏ ấy lại có những ước muốn vô cùng.

– Con thấy mình có ơn gọi làm chiến sĩ, làm linh mục, làm tông đồ, làm tiến sĩ và chịu tử đạo.

Và Ngài lại chỉ thực hiện những hy sinh nhỏ, được biến nên trong sáng bởi tình yêu đại độ.

– Một phương thế để nên trọn lành ư? Con chỉ biết có tình yêu.

Tháng 6 năm 1894, có triệu chứng đầu tiên thánh nữ bị bệnh lao. Dẫu vậy Ngài vẫn tiếp tục các bổn phận và không tìm cách giảm bớt một công tác nào. Không hiểu biết, người ta trách Ngài biếng nhác. Hơn nữa, Ngài còn bị thử thách nặng nề trong tâm hồn. Ngập chìm trong tăm tối, Ngài như bị mất đức tin, nhưng vẫn dững cảm trung thành với Chúa. Khi người ta mang đến một ly thuốc đỏ đẹp Ngài nói:

– Ly thuốc nhỏ này, người ta tưởng là đầy rượu ngon, thực

sự chưa bao giờ tôi đã phải uống một thứ thuốc nào đắng hơn. Đó là hình ảnh đời tôi. Dưới mắt người khác nó đầy màu sắc vui mắt, người ta tưởng tôi uống một thứ rượu ngon ngọt, nhưng thực sự nó là thuốc đắng.

Sau những đau đớn dữ dội, Ngài nói: Con không hối hận vì đã hiến mình cho tình yêu

Khi sắp từ trần, Ngài hứa:

– Trên trời con sẽ làm mưa hoa hồng xuống.

Ngày 30 tháng 9 năm 1897 Ngài qua đời tại phòng bệnh dòng kín Lisieux. Ngày 17 tháng 5 năm 1925 Ngài được tôn vinh lên hàng các thánh.

## Các Thiên Thần Bản Mệnh

Ngày 02-10

Đức tin cho chúng ta biết rằng: có những thiên thần gìn giữ chúng ta. Cựu Ước cũng như Tân Ước đầy những chứng cứ làm chứng cho chân lý này, khiến thánh Giêrônimô đã phải thốt lên: “Phẩm giá các linh hồn cao quý dường nào vì mỗi linh hồn đều được Thiên Chúa trao cho một thiên thần để săn sóc”.

Thánh Tôma nói: “Có các thiên thần hộ thủ cho các vương quốc, các dân tộc, các thành thị, các cộng đoàn tu sĩ và cho mỗi người tín hữu.”

Chúa Giêsu hẳn đã giải thích điều đó khi Người nói về các trẻ nhỏ: “Thiên thần của chúng hằng chiêm ngắm nhan Cha Ta, Đấng ngự trên trời.” (*Mt 18,10*)

Thánh Giêrônimô thành Nyssa nói: “Chúa biết ác tâm của các thần dữ đang tìm cách ngăn trở không cho ai vào chỗ của chúng đã mất trên trời, nên Người ban cho mọi người chúng ta một thiên thần bản mệnh, để chống lại các nỗ lực của kẻ thù phân rỗi chúng ta.”

Các thiên thần bản mệnh dẫn dắt chúng ta trên đường phân rã mọi nơi mọi lúc, đêm cũng như ngày, khi đi đường cũng như khi ở nhà. Các ngài không rời bỏ chúng ta, cả khi chúng ta phạm tội làm các ngài phải run sợ, hay khi chúng ta chống lại những điều các ngài hướng dẫn.

Các ngài có sứ mệnh lo lắng cho lợi ích của chúng ta. Khi chúng ta cầu nguyện, các ngài chuyển lời lên Thiên Chúa và kéo ơn Chúa xuống. Các ngài săn sóc chúng ta trong mọi hoàn cảnh, như người mẹ thương con, như người dẫn đường, như bác sĩ chăm sóc bệnh nhân, như mục tử dẫn dắt đoàn chiên...

Các ngài là bạn thiết của tâm hồn. Hãy nhớ lại Aga trong sa mạc (St 16, 7-12), Lót ở Sôđôma (St 19, 1-17), Isaac trên núi Moria (St 22, 11-18), các trẻ em trong lò lửa ở Babylon (Đn 3, 46-50), Daniel trong hang sư tử (Đn 6, 18-23) và thánh Phêrô ở trong tù (Cv 12, 6-11).

Chúng ta lại chẳng kinh nghiệm thấy như vậy trong cuộc sống thường ngày sao? Những tia sáng làm cho đức tin sống động? Những tác động bất chợt đưa chúng ta đến sự thánh thiện? Những phút giây tâm hồn muốn hiến trọn cho Chúa?

Nhận biết bao ơn phúc của các thiên thần, chúng ta phải tỏ lòng cung kính vâng phục các ngài, Chính để nhắc nhở bản phận này, mà Giáo hội dành ngày 2 tháng 10 mỗi năm để đặc biệt kính nhờ các thiên thần bản mệnh.

## Thánh Phanxicô Assisi (1181 – 1226)

Ngày 04-10

Thánh Phanxicô sinh tại Assisi, miền Umbria, năm 1181. Ông Phêrô Bernadone là một thương gia giàu có, lúc sinh ra thánh nhân, ông đang ở Pháp, nên đã đặt tên cho Ngài theo tên quốc gia này. Thời thơ ấu, thánh nhân chịu ảnh hưởng nhiều bởi người mẹ nhiệt thành và khả ái. Ngài tỏ ra vui vẻ, mạo hiểm, quảng đại và bình dân. Dầu được chuẩn bị để theo nghề buôn bán như cha, Ngài vẫn thường mơ ước trở thành hiệp sĩ.

Năm 1201, Phanxicô tham gia cuộc chiến ở Perugia và bị bắt tù một năm. Kinh nghiệm đau xót này cùng với cơn bệnh ngặt nghèo là khởi đầu cuộc trở lại của Ngài. Dầu vậy, năm 1205, Ngài vẫn còn tham dự vào cuộc viễn chinh tại Apulia. Trong một giấc mơ, Phanxicô được Chúa Kitô mở lời kêu gọi phục vụ Người. Ngài trở về và hiến mình chăm sóc các bệnh nhân.

Ngày 16 tháng 4 năm 1206, Phanxicô lại nghe tiếng Chúa Kitô kêu gọi Ngài tái thiết đền thờ thánh Damianô. Luôn mau mắn và tận tâm, Phanxicô đã từ bỏ đời sống cũ và chấp nhận

sống như một ẩn sĩ. Khi bị cha bỏ tù, rồi dẫn đến đức giám mục như một đứa con bất phục, thánh nhân đã từ khước mọi quyền lợi lẫn của cải, cả đến áo quần đang mặc nữa.

Hai năm sau, có lẽ vào ngày 24 tháng 2 năm 1209, Ngài nghe đọc đoạn Tin Mừng Mt 10,9 và thấy mình được ơn gọi đi rao giảng sự thống hối. Đây là giây phút quyết liệt. Thánh nhân cởi bỏ tu phục ẩn sĩ, mặc áo vải thô, thắt giầy lưng và bắt đầu rao giảng Chúa Kitô. Có hai người bạn đi theo, Ngài cho họ một bản luật gồm ba câu thánh kinh Mt 20,21; 10,9 và Lc 9,23. Khi con số môn sinh lên tới 11, Ngài viết cho họ một bản luật văn (bản Primitiva, nay đã thất lạc), và dân họ tới Rôma để được Đức Giáo hoàng phê chuẩn.

Đức giáo hoàng Innocentê III, sau phút ngập ngừng, đã nhận ra nơi người giáo dân ngay thật và nhiệt tình này một tông đồ chân chính, và ban lời chuẩn nhận (tháng 6 năm 1210). Nhóm huynh đệ trở về Assisi. Họ sống trong những chiếc chòi ở Rivetortô. Gần Porziuncola và rao giảng sự thống hối trên khắp nước Ý. Đây đơn sơ, họ làm đủ mọi việc và sống bằng nghề ăn xin. Chính sự đơn sơ như thiên thần của Phanxicô mà họ coi là hiền huynh và hiền mẫu, là gương sống hường dẫn họ trên đường thiêng liêng. Chưa có một tổ chức nào cả, với phép của Phanxicô, họ đi khắp nơi, như các anh em thống hối nghèo miền Assisi.

Năm 1212, Phanxicô khích lệ Clara, một thiếu nữ danh giá trong thành phố, thiết lập nhóm chị em sống đời nghèo khó và cầu nguyện ở nhà thờ thánh Damianô. Họ đã trở thành các bà nghèo khó và ngày nay gọi là các nữ tu Clara.

Không bao giờ Phanxicô muốn lập một “Hội dòng”. Ngài chỉ muốn theo Chúa Kitô trong các sách Tin Mừng một cách hoàn toàn đến từng chữ viết. Dầu vậy, nhóm huynh đệ đã theo một hình thức tu dòng nào đó. Họ đọc kinh nhật tụng, ngủ và ăn chung như các tu sĩ. Khi nhóm huynh đệ đã tăng số cách lạ lùng, mau chóng, Phanxicô phải ủy quyền cho các người lãnh đạo mà Ngài gọi là “Hiền mẫu” hay là “tôi tớ” của các nhóm. Hàng năm các anh em họp nhau một lần tại Porziuncola.

Năm 1216, Phanxicô tham dự đám táng Đức Giáo Hoàng Innocentê III và được Đức Honorio IV ban ân xá cho thánh đường Perziuncola. Năm sau, Ngài được cảm tình của đức Hồng y Ugôlinô, là đáng sẽ trung tín bảo trợ Ngài mãi về sau.

Năm 1219. Nhóm huynh đệ tăng số đông đảo và phải chia thành nhiều tỉnh dòng. Cánh đồng truyền giáo đầu tiên của nhóm vượt qua rặng núi Alpes.

Chính Phanxicô, bất chấp những cân nhắc khôn ngoan, đã bỏ nước Ý để tham gia thập tự quân và đã đến gặp Sultan. Trong khi Ngài vắng mặt, nhóm huynh đệ gồm nhiều học viên mới, có học thức và thuộc hàng giáo sĩ, họ như con thuyền không lái và rơi vào cuộc khủng hoảng. Vấn đề chỉ giải quyết xong khi kêu mời Phanxicô trở về, nhờ tài khéo léo của Đức hồng y Ugôlinô, và nhóm phải chọn một khuôn mẫu thông thường của đời sống tu trì.

Trước sức ép liên tục, bây giờ Phanxicô phải viết một bản luật chi tiết hơn (bản Regula Prima) dầu vậy, bản luật này vẫn còn quá đơn sơ và đòi hỏi các người lãnh đạo mới của cộng đoàn về đàng thiêng lêng. Sau khi sửa lại, bản luật mới này được đức



giáo hoàng Honoriô III chấp nhận năm 1223 (bản *Rehula Secunda* hay *Bullata* nay vẫn còn được sử dụng) Trong khi đó, Phanxicô trở nên yếu đau và lo âu. Ngài trao quyền quản trị nhóm huynh đệ cho người đại diện. Từ năm 1221, anh Elia đầy bí nhiệm đảm nhận chức vụ.

Chính Phanxicô lại lui vào trong núi. Ngày 14 tháng 9 năm 1224, sau một thời sống ẩn dật, Ngài đã được Chúa Kitô in dấu. Từ đây, bệnh tình Ngài tăng thêm và trở nên mù lòa hầu như hoàn toàn. Ngài được bốn anh em trung tín mang đi đây đó. Có lẽ vào năm 1224, Ngài đã viết “bài ca mặt trời”. Năm 1226, Ngài viết chúc thư (*testament*) long trọng nhấn mạnh đòi buộc sống nghèo khó tuyệt đối, vâng lời luật dòng đến từng chữ viết và từ khước mọi đặc ân.

Ngày 02 tháng 10 năm 1226, sau khi viếng thăm Clara cùng các nữ tu và chúc lành cho thành Assisi, Ngài từ trần tại Porziuncola. Hai năm sau Ngài được bạn cũ là Ugôlinô bấy giờ là ĐGH grêgoriô IX tôn phong lên hàng hiển thánh. Năm 1228, xác Ngài được dời về mai táng tại đại giáo đường do anh Elia xây cất.

## Thánh Brunô, Linh Mục (1035 – 1101)

Ngày 06-10

Thánh Brunô sinh khoảng năm 1035 tại Cologne, nước Đức và từ trần năm 1101 tại Calabria, miền nam nước Ý. Chúng ta biết được rất ít và đời sống thơ ấu của Ngài. Có lẽ Ngài thuộc gia đình quý phái Der Hautenfaust và được giáo dục ở trường thánh Cunibert tại sinh quán.

Sau đó dường như Ngài đã bỏ Cologne để theo học tại Reims và từ đó tiếp tục học triết ở Tours. Sau này chúng ta biết Ngài làm thủ lãnh các trường Reims, làm chương ấn địa phận và làm kinh sĩ tòa tổng giám mục. Chắc chắn Ngài là một trong những học giả lừng danh thời đó. Nhiều người đã tới Reims để thụ giáo với Ngài, trong số đó có Eudes de Chantailen là người sẽ trở thành giáo hoàng với danh hiệu Urbano II. Các sách chú giải về thánh vịnh và các thư thánh Phaolô là những tác phẩm chúng ta còn lưu giữ được, chứng tỏ thánh nhân là một học giả có thể giá và là người hiểu biết tiếng Hy Lạp và tiếng Do thái. Vào thời của Ngài ít có người hiểu biết được như vậy.

Các thử thách đổ xuống cuộc đời thánh Brunô, kể từ khi Đức Tổng giám mục Gevase qua đời năm 1068 và Manasses được đặt kế vị. Manasses là một người khô khan và hung bạo, đã chiếm đãng ngôi tòa giám mục nhờ việc buôn thần bán thánh. Brunô đứng đầu những nhóm kinh sĩ chống lại và bị triệu về Roma. Manasses trả thù bằng cách tịch biên tài sản và buộc các Ngài phải trốn khỏi thành phố. Brunô trốn về một nơi gọi là Rocher, ở tại nhà một người bạn tên là Adam. Lần kia, trong khi đi dạo tại vườn nhà Adam, Brunô với hai người bạn là Ralph và Fulcius đã bàn về bản chất giả tạo của các thú vui trần thế và niềm vui của đời sống chiêm niệm. Lửa nhiệt tình bùng cháy, họ quyết định sẽ bỏ thế gian để sống đời cầu nguyện, ngay khi nào hoàn cảnh cho phép. Nhưng rồi Fulcius phải đi Roma để trình báo cáo trạng tổng giám mục. Brunô không thể bỏ Reims khi Đức tổng giám mục còn tại vị. Cuối cùng, khi Đức Tổng giám mục bị truất ngôi, chỉ còn Brunô trung kiên với dự tính.

Sau khi Manasses bị truất ngôi, vị đặc sứ tòa thánh muốn đặt Brunô làm tổng giám mục. Nhưng lúc ấy thánh nhân đã trốn khỏi Reims cùng với sáu người bạn, tới một nơi gọi là Sèche-Phontaine. Ngài ở gần tu viện Molesme là nơi thánh Robertô làm đan viện phụ. Có lẽ Brunô là tu sĩ của tu viện này một thời gian ngắn.

Tuy nhiên Brunô đã không ở lâu tại Sèche-Phontaine. Ngài muốn tìm một nơi xa vắng hơn để khỏi bị du khách quấy rầy. Năm 1084, Ngài cùng với sáu người bạn tìm đến miền núi Savoy. Trên đường đi, các Ngài dừng chân tại Grenoble để tham khảo ý kiến Đức Cha Hugues de Chateaineuf, một học trò cũ của

Ngài. Vị giám mục thánh thiện đã mơ thấy bảy ngôi sao sáng trên một miền xa thuộc dãy núi Cjartreuse. Biết rằng Brunô cùng với sáu người bạn của Ngài là những ngôi sao ấy, đức cha đã không chần chừ dẫn họ ngay tới nơi mà giấc mơ đã chỉ cho Ngài. Đây là một nơi đủ yên tĩnh. Brunô và các bạn liền cư ngụ tại đó. Các Ngài làm một nhà nguyện nhỏ và bảy cái lều chung quanh. Đó là bước đầu của một tu viện lớn vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay, là nhà mẹ của một hội dòng mang tên CHARTREUSE.

Nhưng rồi thánh Brunô đã quá lừng danh và không thể yên thân được lâu. Năm 1090, Đức Urbanô II, một học trò cũ của Ngài đã nhớ đến thầy cũ và triệu về Rôma làm cố vấn. Dầu vậy, đức giáo hoàng cũng sớm nhận ra rằng: không có chỗ trong giáo triều dành cho Brunô. Ngài ban phép cho thánh nhân rời Rôma, với điều kiện là phải có mặt tại nước Ý.

Trong thời gian vắng vởi tại giáo triều, thánh Brunô đã gặp nhà quý tộc Roger miền Sicily. Khi rời Rôma, Ngài đến cư ngụ ở nơi nhà quý tộc hiến cho, tại La Torre miền Calabria. Ngài thiết lập ở đó một tu viện thứ hai, theo kiểu mẫu dòng Chartreuse. Ngày 6 tháng 10 năm 1101, Ngài từ trần, khi chưa có dịp trở về thăm tu viện thứ nhất của Ngài.

## Thánh Mẫu Mân Côi

Ngày 07-10

Chuỗi Mân Côi là quà tặng quý báu, Thiên Chúa và Đức Mẹ trao cho chúng ta. Người ta gọi chuỗi Mân Côi là kinh nguyện của người bình dân. Thực vậy, cho tới thế kỷ XII, Hội Thánh chỉ dùng 150 thánh vịnh làm kinh nguyện chính thức. Tới khi bà thánh Birgitta được ơn Chúa soi sáng mới đặt ra chuỗi 150 Kinh Kính Mừng để thay thế cho 150 Thánh vịnh.

Các mầu nhiệm Mân Côi còn được gọi là cuốn sách Phúc âm rút gọn của người bình dân, bởi vì sau này người ta thêm 15 mầu nhiệm vào kinh Mân côi. Cứ 10 kinh Kính mừng lại suy gẫm về một mầu nhiệm mùa Vui, Thương hoặc Mừng.

Chuỗi Mân Côi rất cao quý vì chính nội dung của nó như chúng ta vừa đề cập tới. Người biết xử dụng sẽ gặp được hiệu quả phi thường. Ngay trong sự tích việc thành lập lòng sùng kính này đã ghi dấu bằng một phép lạ đặc biệt. Ngày kia trên đường đi Tây Ban Nha, hai thánh Đôminicô và Bernadô chẳng may bị sa vào tay quân cướp. Sau khi bóc lột tất cả, chúng bắt

các Ngài phải làm nô lệ chèo thuyền. Một lần con thuyền bị bão đánh giữa khơi. Trong cơn nguy nan, thánh Đôminicô đã cầu xin Đức Mẹ và được Ngài hiện ra dạy phải lần chuỗi Mân Côi. Mọi người trong thuyền đều hứa sẽ thực hiện theo lời chỉ dạy của Mẹ. Bão tố liền tan biến.

Cũng chính thánh Đôminico, trong cuộc tranh đấu chống lại bè rối Albigeois năm 126, một lần nữa được Đức Mẹ dạy cho biết phải dùng chuỗi Mân Côi làm khí giới. Thánh nhân đã dốc toàn lực phổ biến thực hành đạo đức này và được gặt hái được thành quả mỹ mãn. Bè rối Albigeois hoàn toàn bị tiêu diệt.

Năm 1571, lịch sử được chứng kiến một thành quả vĩ đại của Kinh Mân Côi mang lại. Chính biến cố lịch sử này là nguồn gốc lễ kính Thánh Mẫu Mân Côi, Khi ấy quân Hồi xâm lăng Âu Châu, tàn phá những nơi họ đi qua, tiêu diệt dân công giáo. Cùng với việc triệu tập đạo quân thánh giá từ hai nước Ý và Tây Ban Nha, Đức Giáo hoàng Piô V kêu gọi mọi người chạy đến với Kinh Mân côi. Cuộc chiến quá chênh lệch đã diễn ra tại vịnh Lepante, nhưng với quân số ít ỏi và khí giới tồi tàn, người công giáo đã thắng trận vẻ vang trước đoàn quân Hồi giáo đông đảo và trang bị hùng hậu, từ Rôma, Đức Giáo hoàng đã thấy được cuộc chiến thắng này và nói với các vị trong giáo triều hãy tạ ơn Chúa. Hôm đó là ngày 07 tháng 10. Đức giáo hoàng đã thiết lập một lễ để ghi nhớ chiến thắng này.

Lịch sử còn ghi lại nhiều thành quả kỳ diệu khác nữa của Kinh Mân côi. Chẳng hạn Kinh Mân côi đã mang lại chiến thắng tại Vienna ngày 12 tháng 9 năm 1683, hay đã chấm dứt bệnh dịch tại Milan... Chuỗi Mân côi vẫn còn là một phương thế cứu

rồi hữu hiệu của mỗi tín hữu. Khi hiện ra tại Lộ Đức hay tại Fatima, Đức Mẹ đều kêu gọi chúng ta hãy siêng năng lần chuỗi Mân côi.

Vậy khi mừng lễ Thánh mẫu Mân Côi, Giáo hội muốn chắc lại sức mạnh cứu rỗi vô song của Kinh mân côi và kêu gọi mọi người hãy năng lần chuỗi Mân Côi như phương thế hữu hiệu để cải thiện đời sống và xây dựng Nước trời.

## Thánh Dionysiô Và Các Bạn Tử Đạo

Ngày 09-10

Thánh Dionysiô, giám mục Paris, đã chịu nhiều đau khổ vì danh Chúa Kitô và kết thúc cuộc đời dưới lưỡi gươm.

Câu nói trên đây của thánh Grêgoriô thành Tours là tất cả những gì chúng ta biết được về thánh Dionysiô. Người ta kể lại truyền thuyết rất hấp dẫn về Ngài như sau:

Vào năm 251, đức giáo hoàng Fabianô đã sai bảy giám mục đi truyền giáo tại xứ Gaules. Các vị tông đồ này đã vượt qua mọi gian nguy và thiết lập nên các giáo đoàn Arles, Toulouse, Narbonne, Clermont, Limoges, Tours và Lutèce. Trước hết các Ngài dừng lại ở Arles, rồi phân tán đi các tỉnh xứ Gaules. Lutèce là tỉnh xa nhất. Nhiệt tâm với đức tin, Dionysiô đã muốn tới đó.

Dionysiô đã thực hiện được nhiều cuộc trở lại rất ngoạn mục. Chỉ kêu cầu đến danh Chúa, Ngài đã làm lật nhào pho tượng thần Hỏa (Mars) khổng lồ. Chúng kiến cảnh tượng này, nhiều người đã phục dưới chân Ngài xin theo đạo. Cùng với linh mục Eleutheeio và phó tế Rusticô, Dionysiô tiến xa về hướng Bắc và



dừng lại tại Lutèce. Ngài thiết lập giáo đoàn Paris và làm giám mục tiên khởi của giáo đoàn này. Ngài luận bác sự điên dại của các ngẫu thần và rao giảng một Thiên Chúa duy nhất và Chúa Giêsu là Đấng cứu chuộc.

Phần đông thính giả tin theo ánh sáng Chúa Kitô giáo. Một trong số những người trở lại là lãnh chúa miền Montmorency. Tên ông là Lisiniue. Ông đã cho thánh Dionysiô trú ngụ và biến gia thất thành nơi hội họp của các Kitô hữu. Dân chúng đổ xô đến rao giảng, từ bỏ tà thần và lãnh nhận bí tích rửa tội. Thánh Dionysiô phong chức cho nhiều tác viên mới.

Dùng của cải dân Gaules dâng hiến, Ngài dựng nên bốn nhà nguyện: một dâng hiến Chúa Ba Ngôi (nơi này sẽ thánh thánh đường kính thánh Bénédictô). Năm 1685, người ta đọc được ở đó những dòng chữ này: “Trong nguyện đường này, thánh Dionysiô đã khởi sự yêu cầu Chúa Ba Ngôi”, một nguyện đường dâng kính hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô (thánh Ghenevière thích đến cầu nguyện và được mai táng tại đây), nguyện đường thứ ba dâng kính thánh Têphanô và nguyện đường thứ tư dâng kính Đức Bà (nay gọi là đền thờ Notre-dame-des-champs).

Thánh Dionysiô vui mừng vì thành quả gặt hái được. Nhưng các người ngoại, nhất là các tư tế dân ngoại bực tức. Họ than phiền với quan chức của vương quốc. Khi hoàng đế Maximilianô mang quân qua xứ Gaules, lệnh bách hại Kitô giáo được ban hành nghiêm ngặt. Vị tông đồ cùng với hai vị bị điệu ra tòa.

Ngài trả lời rằng:

– Chúng tôi là tôi tớ Chúa Kitô.

Thánh Dionysiô cùng hai bạn bị tổng ngục, nơi sẽ trở thành thánh đường thánh Dionysiô thành Chartres. Bị đánh đòn, bị hành hạ đến chảy máu, thánh nhân không hề than trách kêu la. Thay tiếng rên xiết, Ngài nói lên niềm tin và lời ca tụng. Bọn lý hình giương búa, múa roi trước mặt Ngài, nhưng lão già 110 tuổi đầu bạc vẫn đầy tin tưởng và êm dịu trả lời:

– Chớ gì tôi phải chịu tất cả mọi cực hình này cùng một lúc để tôi sớm được hạnh phúc với Chúa Kitô.

Ngài bị ném cho thú vật xâu xé. Nhưng những thú dữ chỉ liếm chân Ngài. Bị treo lên thập giá, nhưng từ trên cao, Ngài giảng về cuộc khổ nạn của Chúa khiến cho nhiều người trở lại. Vừa sợ vừa giận, quan tòa ra lệnh xử trảm con người đầy dũng cảm này. Nơi hành hình là một ngọn đồi dâng kính Thủy thần (Nercure), nhưng sau này được coi là núi các thánh tử đạo (Montmartre). Xác các thánh tử đạo không được chôn cất, nhưng phải để làm mồi cho súc vật.

Nhưng có huyền thoại kể rằng: thánh Dionysiô sau khi bị chặt đầu, đã chỗi dậy cầm lấy đầu mình, đi xa khoảng hai dặm về hướng đông. Một sử gia nói rằng: Ngài dừng lại ở nơi Ngài muốn chôn cất và là tu viện của Ngài.

Có một phụ nữ tên là Catulla đã chôn xác Ngài ở một ngôi làng (làng này sẽ mang tên Dionysiô) bà dựng một nguyện đường bằng gỗ, nhưng rồi thánh Ghenevière đã xây lại bằng đá. Dagobert sẽ xây cất một thánh đường và một tu viện ở đó.

## Thánh Gioan Leonadô, Linh Mục (1541 – 1609)

Ngày 09-10

Thánh Gioan Leonadô sinh năm 1541 tại Luca miền Tuscia. Từ nhỏ thánh nhân đã theo học ngành thuốc, nhưng rồi bỏ nghề, Ngài muốn làm linh mục. Năm 25 tuổi, Ngài mới bắt đầu học tiếng Latinh, triết học và thần học. Năm 1571, Ngài được thụ phong linh mục.

Hồi đó tại Luca, tinh thần đạo đức của dân chúng lai còn bị hoang mang vì lạc thuyết mà Bernadinô thành Sienna gieo vãi. Là linh mục trẻ còn đầy nhiệt huyết, cha Gioan đã tìm cách chấn hưng bằng việc chăm lo giảng dạy và ngồi tòa. Hơn nữa, cha còn lập “hội giáo lý” qui tụ những người có thiện chí lo việc dạy giáo lý cho các trẻ em.

Tuy nhiên, là giáo dân, các hội viên của hội giáo lý còn bị nhiều giới hạn và không thể làm được hết mọi việc. Năm 1574, thánh Gioan Leonardô thành lập một hội dòng, đặt trụ sở tại nhà thờ Đức Mẹ Mân Côi. Đức giáo hoàng Clémentê VIII đã châu

phê luật dòng Chúa Đức giáo hoàng Phaolô V đặt tên cho hội dòng là “các giáo sĩ Mẹ Thiên Chúa”. Năm 1621, Đức giáo hoàng Grêgoriô XV đặt tu hội ngang hàng với các dòng tu kỳ cựu khác.

Nhiệt tình của thánh Gioan Leonadô và của dòng do Ngài sáng lập, đã mang lại nhiều thành quả tốt đẹp. Nhưng cũng vì thành công này, mà Ngài phải chịu rất nhiều thử thách. Cuối cùng, Ngài đành phải chịu rời Luca để về Rôma, tại đây Ngài được Đức giáo hoàng Grêgoriô XIII tiếp đón ân cần. Ngài cũng có dịp làm quen với thánh Philpphê Nêri. Là một người hiền hoà tận tụy, thánh Gioan Leonadô được nhiều người tín nhiệm, Ngài còn giải quyết được nhiều cuộc tranh chấp khó khăn.

Tại Rôma, thánh Gioan Leonadô vẫn nuôi mộng truyền giáo. Cùng với Đức Hồng Y Baotixita Vivès, năm 1603, Ngài góp phần đào tạo nhiều giáo sĩ các xứ truyền giáo. Năm 1627, Đức giáo hoàng Urbanô VIII chính thức thiết lập ngôi trường mà thánh Gioan Leonadô đặt nền móng thành “trường truyền giáo”, quy tụ các chủng sinh từ các nước xa xăm.

Ngày 09 tháng 10 năm 1609, Gioan Leonadô từ trần, trong khi nhiệt thành chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh dịch. Năm 1706, Giáo hội mới lập hồ sơ tuyên thánh cho Ngài. Năm 1861 Ngài được nâng lên hàng Á thánh và năm 1938 được phong hiển thánh.

## Thánh Callistô I, Giáo Hoàng Tử Đạo (+222)

Ngày 14-10

Chúng ta biết được cuộc đời của thánh Callistô I chính là nhờ vào bản ký thuật của thánh Hyppolytô (*Philosphoumena q. IX*). Nhưng chẳng may đây lại là thuật ký của một kẻ thù nghiệt ngã với thánh nhân. Dầu vậy, thánh Hyppolytô không thể nguy tạo các sự kiện hiển nhiên được và biết lượng định theo lương tri, chúng ta biết nhiều về thánh Callistô I hơn các đức giáo hoàng tiền khởi khác.

Người là nô lệ của một Kitô hữu tên là Carpôphôrô. Biết được khả năng về kinh tế và tài tổ chức của Ngài, ông đặt Ngài quản trị một ngân hàng. Công cuộc làm ăn thất bại, chúng ta có thể tin chắc rằng Callistô vô tội chứ không phải Ngài biến thủ ngân quỹ như Hippolytô qui trách. Để đòi lại những món nợ bởi người Do thái, Ngài bắt buộc phải vào một hội đường. Thế nhưng những người Do thái lại tố cáo Ngài là Kitô hữu. Quan tổng trấn

Rôma bắt Ngài, đánh đòn rồi gửi đi làm lao công ở các hầm mỏ miền Sardinia.

Khi bà Marcia, người thân của hoàng đế Commodô xin được ơn phóng thích cho các tội nhân, Callistô trở về. Đức giáo hoàng Victor gửi Ngài tới Antium để dưỡng sức và cấp dưỡng cho Ngài. Điều này chứng tỏ rằng việc Ngài bị đức giáo hoàng Victor gạch tên khỏi sổ những người bị tù tội vì đức tin, mà Hippolytô viết ra là sai sự thật. Đến khi thánh Zephirinô lên kế vị Đức giáo hoàng Victor, Callistô được đặt làm tổng phó tế và có nhiệm vụ coi sóc các nghĩa trang. Ngài xây dựng một mộ địa mang tên Ngài. Đây là tài sản do một người bạn có quyền thừa kế tên là Cécilia dâng tặng. Callistô đã tỏ ra là một nhà quản trị có khả năng, nên năm 217, Ngài được chọn làm giáo hoàng kế vị thánh Zephirinô.

Trên ngai giáo hoàng, đức Callistô I tỏ ra là người kiên quyết bảo vệ đức tin tôn giáo. Ngài đã kết án Sabelliô vì ông này chủ trương sai lạc về tín điều Chúa Ba ngôi. Đối với Hippolytô, Ngài cảnh cáo chủ trương sai lạc theo khuynh hướng nhị nguyên của ông về Chúa Giê-su. Tuy nhiên về phương diện kỷ luật, Ngài tỏ ra rất khôn ngoan và nhân từ. Dường như chính Ngài là đáng đã tổ chức các tước vị tại Rôma, tại các nhà thờ thuộc giáo xứ...

Năm 222, thánh Callistô I từ trần bằng một cái chết dữ dội. Theo truyền thuyết, Ngài bị đám đông giận dữ ném xuống giếng, tại Trstevere. Người ta cho rằng các lương dân căm thù vì bị Ngài trục xuất đã đưa tới cái chết này. Từ đầu tới cuối, Ngài là một con người cương nghị và độc tài. Ngài được chôn cất,

không phải nơi hãm mộ mang tên Ngài, nhưng tại nghĩa địa ở đường Aurelia.

## Thánh Têrêxa Avila, Đồng Trinh, Tiến Sĩ Hội Thánh (1515 – 1585)

Ngày 15-10

Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1515, Têrêxa là một trong 12 người con của ông Anphong Cpêda, lớn lên tại Avila, vương quốc Castille, miền đất của mộng mơ và của các thánh “. Ngài ham thích đọc các sách dạy sống khổ hạnh và suy gẫm cuộc đời các thánh. Với lòng nhiệt thành, Ngài ngây ngất vì hạnh phúc vĩnh cửu ân thưởng cho những đau khổ của các thánh, cũng như kính sợ những khốn khổ của hoả ngục tồn tại mãi mãi. Ngài đã nói trong run sợ:

– Ai có thể chịu nổi cái ý nghĩ như vậy được?

Mong mỗi được tử đạo, một ngày kia, Ngài lén dẫn cậu em Rodrigue đi về miền dân dữ tợn đang hành hạ các Kitô hữu này. Nhưng mới đi được nửa dặm đường thì ông cậu bắt được và dẫn đưa về nhà. Không tử đạo được, các em sẽ trở thành những nhà ẩn tu. Các em làm những cái hầm và cầu nguyện lâu giờ tại đó.



Nhưng rồi một ngày kia, những bức tường nhỏ bằng đá bị sập. Các em nhỏ thánh thiện này thường nhịn ăn để làm việc bác ái.

Năm 13 tuổi, tức năm 1528, Têrêxa mất mẹ, Ngài khẩn nài Mẹ Maria là Mẹ. Chuỗi Mân Côi trở thành việc sùng kính đặc biệt của Ngài.

Têrêxa có một bản chất ngay thẳng, nhiệt hành và tha thiết mến Chúa. Khoảng 15 tuổi, Ngài lên đọc các truyện kiếm hiệp làm cho Ngài ra mơ mộng, lúc này, Ngài muốn mặc đẹp, xức dầu thơm, lo trang sức và thích được ve vãn. Chị em cho Ngài xinh đẹp. Một cô em họ ngây ngất không muốn rời xa Ngài. Họ nói truyện phiếm với nhau hàng giờ. Têrêxa nói:

– Tôi được cứu thoát, chính là vì kính sợ Chúa, điều mà tôi không bao giờ bỏ mất, và vì sợ mất danh dự.

Ngài còn nói:

– Tôi đã rất ghê tởm những điều bất lương.

Dẫu vậy cha Ngài cũng lo âu và quyết định gửi Ngài học nội trú ở nơi các nữ tu dòng thánh Augustinô. Têrêxa không thích thú gì, nhất là đã không hề muốn rằng sau này mình sẽ là nữ tu. Nhưng Ngài phải vâng lời. Và Ngài sắp tìm lại được lòng đạo đức nhiệt thành của tuổi thơ khi sống gần các bậc thầy này. Hơn khi nào, Ngài khao khát những của cải đời đời. Nhưng đời sống khắc khổ trong tu viện làm Ngài run sợ.

Têrêxa ngã bệnh. Ngài trở về nhà cha và nghe ông cậu nhắc lại rằng mọi sự đời này chỉ là phù vân và sẽ qua mau như chớp. Sau cùng Ngài hiểu rằng: ơn gọi của mình là sống đời tu sĩ. Nhưng những chống đối dữ dội nổi lên trong lòng. Hơn nữa, Ngài phải coi thường những chối từ của cha Ngài. Năm 1536,

Ngài vào dòng kín Camelô, sau khi phải chịu đựng cuộc chiến đấu kinh khủng với chính mình: để giã từ nhà cha, Ngài khổ sở đến độ xương cốt như rã rời và tan nát con tim. Nhưng rồi Ngài đã mạnh mẽ thắng vượt mọi cảm dỗ đau khổ.

Têrêxa đã trải qua 27 năm tại tu viện Nhập Thế, là nơi luật lệ được chăm chú cho phép giải trí và tiếp khách, Ngài còn phải qua một bước dài trước khi dẫn mình vào con đường cực nhọc để xây dựng và cải sửa các dòng tu. Trước hết, sức khỏe của Ngài xem ra không chịu đựng nổi. Bệnh tật, Ngài trở về nhà, các bác sĩ tuyên bố là bất trị, Ngài tín thác vào thánh Giuse và khỏi bệnh sau một cơn ngất trí. Trở lại tu viện, Ngài được chị em yêu mến.

Cách nói chuyện hấp dẫn của Ngài lôi kéo nhiều cuộc viếng thăm. Ngài kể lại:

– Một đàng Chúa gọi tôi, đàng khác thì thế gian lôi kéo. Cuộc chiến nội tâm xâu xé tôi.

Ngày kia trong một câu chuyện trần tục, Ngài đã được thị kiến thấy Chúa Giêsu đầy thương tích. Têrêxa thấy đau lòng, nhưng Ngài còn phải chiến đấu nhiều để đạt tới chỗ chỉ yêu các tạo vật trong Chúa và vì Chúa. Trong nhiều năm, Ngài đã trải qua sự khô khan, qua cơn sợ hãi hỏa ngục. Trong vòng 20 năm Ngài đã không tìm ra cha giải tội hiểu được Ngài và muốn bàn về việc thị kiến. Thánh Phanxicô Borgia đã trấn an Ngài.

Sau cùng, các cha giải tội buộc Ngài ghi lại điều đã xảy ra trong tâm hồn. Và thánh nữ, một con người ít học, đã viết nên được những tác phẩm có giá trị, đến nỗi Ngài đã đáng được danh hiệu là Tiến Sĩ Hội Thánh.

Nếu trước hết, sự sợ hãi các khổ cực đời đời đã dẫn Têrêxa vào đường hẹp đưa tới chỗ cứu rỗi thì bây giờ tình yêu Chúa xâm chiếm Ngài như cơn hỏa hào. Các cuộc xuất thần tăng thêm. Ba Ngôi, Đức Trinh nữ, các thiên thần và các thánh hiện ra với Ngài. Ngài được nâng lên khỏi mặt đất và ở nguyên như vậy khi cầu nguyện. Vào tuổi 43, thánh nữ thường thấy Đấng cứu thế và nghe Người nói:

– Cha không muốn con nói truyện với loài người, nhưng với các thiên thần.

Một thiên thần dùng giáo đâm thủng tim Ngài và Chúa Giêsu gọi Ngài là hiền thê. Cho tới cuối đời, Ngài đã hiệp nhất với đấng cứu chuộc bị đóng đinh và đã ước được chịu khổ vì Người đến nỗi người ta thường nghe Ngài kêu lên:

– Lạy Chúa, hoặc là chết, hoặc là đau khổ.

Ngài tự ràng buộc bởi lời khấn anh hùng này, là luôn làm điều thiện hảo hơn, nhưng lại chẳng tỏ ra nhiệm nhặt chút nào, trái lại còn nhanh nhẹn vui tươi duyên dáng tới độ gõ sênh mua vui cho các nữ tu dòng kín Camêlô. Vị nữ tu chiêm niệm này còn tỏ lộ một sự hiểu biết tích cực, một tinh thần thực tiễn sẽ đưa Ngài tới cuộc cải đổi dòng Camelô.

Định mệnh đặc biệt sắp đưa Ngài qua mọi chặng đường để thiết lập các tu viện. Trước hết năm 1562, khép mình ở Avila nhưng một nhà mang danh thánh Giuse, là nơi các nữ tu sống trong thình lạng, nghèo khó, cầu nguyện, chay tịnh, đi chân không trong mọi mùa, Têrêxa ra khỏi nơi này và không ngừng thiết lập, tổ chức những tu viện mới. Hầu như luôn luôn bệnh hoạn, Ngài theo đuổi những cuộc hành trình mệt mỏi trước sự

nóng nung, làm môi cho các côn trùng tấn công hay những đêm lạnh lẽo mùa đông đã giữ Ngài lại trong những đoạn đường không tên không có nơi trú ẩn. Những cuộc bắt bớ tấn công Ngài. Ngài viết cho một ân nhân:

– Cho tiền bạc chẳng là gì, nhưng khi chúng tôi như đến lúc bị ném đá, thì công việc lại trôi chảy.

Và khi mẹ đã vượt thắng mọi ngăn trở và thiết lập các tu viện mới, cơn đau đớn nhức nhối lại đợi chờ Ngài vì phải giã từ con cái yêu dấu để ra đi xây dựng tu viện ở nơi khác. Đây là:

– Nỗi thống khổ đớn đau nhất. Tim tôi tan nát đau khổ nghĩ rằng: sẽ không còn gặp lại họ nữa.

Thánh Gioan thánh giá trợ lực, Ngài trải rộng việc canh tân tới các cha dòng Carmes mà Ngài muốn tái lập sự nghiêm ngặt ban đầu, điều gây nên cho Ngài nhiều xôn xao và dường như làm cho Ngài bị cầm tù. Nhà vua và đức giáo hoàng bảo vệ Ngài. Ngài đã thiết lập hơn 30 tu viện. Hoạt động chưa từng nghe thấy của Ngài, những việc thiết lập, những cuộc du hành, những khó khăn vô số... đã không ngăn cản Ngài vui hưởng sự hiện diện của Chúa, kiên trì cầu nguyện, và thường xuất thần, Ngài nói:

– Tôi không hiểu tại sao người ta bảo tôi là nhà sáng lập, chính Chúa sáng lập chứ không phải tôi.

Người ta còn nói lại những phép lạ của Ngài, như tăng thêm đồng bột để nuôi cả cộng đoàn. Khi đi qua đồng quê, nhiều gia đình lũ lượt xin Ngài ban phép lành.

Giữa các hoạt động lạ lùng, Têrêxa vẫn viết về đời mình mà Ngài gọi là sách các kỳ công của Chúa, và “Lâu Đài Nội Tâm” là

nơi tâm hồn Ngài, từng phòng một vươn tới uy linh Chúa. Với sự linh hoạt, Ngài biết dùng vài lời tóm gọn tất cả sự thánh thiện:

- Phải can đảm để trở thành phụ nữ của vua trên trời.
- Đừng lo suy nghĩ nhiều, nhưng là yêu nhiều.
- Ta nhân đức hơn khi liên kết với nhân đức của Chúa, hơn là dính chặt với phận bụi đất của ta.
- Nỗ lực của ta là bắt chước con tằm, xây tổ của ta bằng cách tẩy trừ ích kỷ và thực hiện những việc xám hối cầu nguyện, hy sinh, vâng lời. Thiên Chúa sẽ biến ta thành bướm trắng khi Ngài muốn.
- Quan trọng là biết yêu mến và kính sợ, hai nhân đức vĩ đại.
- Khi bị đau khổ bên ngoài cần chăm lo làm việc bác ái và biết hy vọng vào lòng thương xót của Chúa.
- Ngài có chút hài hước trong sự thánh thiện, như lời hóm hỉnh được biết đến nhiều, khi Ngài bị thương ở chân:
- Lạy Chúa, sau bao nhiêu phiên muện lại đến chuyện đó nữa, Cha đối xử với bạn hữu của cha như thế đó.... Vâng lạy Chúa của con, không lạ gì mà Chúa ít bạn.
- Lòng Ngài rạo khắp thế giới:
- Những người Ấn độ nghèo khổ này làm tôi đổ bao nhiêu là nước mắt.

Têrêxa qua đời tại miền quê ở Albe de Tormès ngày 04 tháng 10 năm 1583. Chính tình yêu quá mức hơn là con bệnh đã đưa tới cái chết của Ngài. Khi đưa Thánh thể vào phòng, Ngài đã ngăn cho Ngài khỏi tung ra khỏi giường. Ngài đã la to: “Lạy Chúa,

đến lúc chúng ta gặp nhau rồi”. Và đời đời, Têrêxa đã hiệp nhất với tình yêu.

Ngài được tuyên thánh năm 1628 và ngày 27 tháng 9 năm 1970, Đức giáo hoàng Phaolô VI đã đặt Ngài làm tiến sĩ Hội Thánh.

## Thánh Magarita Maria Alacoque, Đồng Trinh (1647 – 1690)

Ngày 16-10

Thánh Magarita sinh ngày 22 tháng 6 năm 1674 tại Lauthecour miền Charolais. Ngài là con thứ năm của ông Claude Alacoque, một viên chức triều đình. Khác với các trẻ em cùng tuổi chỉ ham chơi, Magarita dường như hiểu rằng chỉ có yêu mến Chúa mới là điều quan trọng. Biết được điều gì không đẹp lòng Chúa là Ngài bỏ ngay. Mới 4 tuổi, Ngài đã lần chuỗi Mân côi hàng ngày và thường lên vào rừng để suy gẫm câu nguyện.

Lên 8 tuổi, Magarita gặp thử thách lớn lao. Cha Ngài từ trần. Không đòi được tiền nợ. Mẹ Ngài phải dẫn con về quê ngoại, sống với những người tham lam quê mùa. Họ rút tĩa gia tài của gia đình Ngài đến nỗi phải đi ở đợ. Magarita được gửi học tại tu viện thánh Clara. Nơi đây, Ngài được rước lễ lần đầu và khoảng 9 tuổi.

Magarita lại gặp một thử thách nữa vào năm 14 tuổi. Khi ấy Ngài ngã bệnh nặng. Nhưng rồi Ngài đã được chữa lành sau khi

khẩn hứa sẽ trở thành con Đức Mẹ. Khởi bệnh Ngài bị cám dỗ sống đời vui chơi phù phiếm. Không chịu thỏa hiệp với nếp sống như thế, Ngài bị người chung quanh đối xử tàn tệ. Muốn đi dự lễ, Ngài phải mượn áo. Có những ngày Ngài bị bỏ đói. Khi mẹ lâm bệnh, Ngài phải đi ăn xin để chạy chữa cho mẹ. Dầu vậy, Ngài chỉ ham đọc truyện các thánh và muốn bắt chước các Ngài, sống đời hy sinh bác ái.

Biết Chúa gọi mình, Magarita cố gắng để mình đỡ bất xứng với ơn gọi. Nhân dịp năm thánh, Ngài xưng tội chung và đã mất 15 ngày để xét mình. Hai mươi tuổi, Ngài được thêm sức và nhận thêm tên thánh Maria. Sau nhiều chiến đấu cực nhọc, ngay với chính mình, tháng 6 năm 1671, Magarita vào dòng thăm viếng ở Paray-le-Monnic, sống với 40 nữ tu quý phái mà một số không có ơn kêu gọi:

Trong cuộc tĩnh tâm dọn mình khẩn dòng, Chúa nói với Ngài:

– Đây là vết thương cạnh sườn Cha, nơi đây con hãy ấn máu bây giờ và mãi mãi.

Ngày 6 tháng 11 năm 1672, Ngài khẩn dòng. Ngài được Chúa Giêsu cho thấy một thánh giá phủ đầy hoa và nói: Đây là giường các bạn tình trinh khiết của ta nằm, dần dần hoa rụng xuống và chỉ còn lại những gai. Thị kiến này tiên báo cuộc đời đầy chông gai thánh nữ sẽ trải qua. Nhưng Ngài chỉ biết hiến thân cho Chúa “như một tấm vải căng trước mặt họa sĩ”. Ngài sẽ còn xuất thân và được nhiều thị kiến nữa.

Thị kiến đầu tiên trong bốn thị kiến quan trọng xảy ra vào dịp này, Chúa Giêsu tỏ trái tim Người ra:



– Trái tim Cha cháy lửa yêu thương đối với loài người và cách riêng đối với con, đến nỗi không còn giữ trong lòng được nữa, ngọn lửa này con phải trải rộng ra.

Chúa Giêsu đã xin thánh nữ trái tim của Ngài và đặt vào lòng mình. Ngài cảm thấy như ở trong hỏa lò. Khi Chúa Giêsu trả lại trái tim, MAGARITA phải chịu mãi cơn đau đớn bên sườn và phải trích máu cho nhẹ bớt cơn đau.

Trong thị kiến thứ hai, thánh nữ viết:

– Người quả quyết với tôi rằng: chúng ta phải tôn kính trái tim Chúa dưới hình thể trái tim con người.

Thị kiến thứ ba diễn ra ngày thứ sáu đầu tháng nào đó không được rõ. Đức Kitô dạy Ngài rước lễ mỗi thứ sáu đầu tháng.

Những thị kiến này kéo theo một thứ đau đớn thân xác. Thánh nữ đều vui nhận hết. Tuy nhiên Ngài còn bị dần vặt về tinh thần. Bề trên và chị em trong dòng cho rằng: Ngài bị ám ảnh vì bệnh hoạn, đến mùa thu năm 1674, Thiên Chúa hứa gửi một tôi tớ để trợ lực thánh nữ. Tháng 2 năm 1675, cha Claude la Colombiere khẩn trọn tại Lyon. Ngay sau đó, cha được cử về làm bề trên dòng tên ở Paray, dưới sự ngạc nhiên của tất cả những ai đã theo dõi việc làm sáng giá của cha ở Paris.

Không hề có kinh nghiệm về những cuộc xuất thần, cha có trí khôn rất bén nhạy và bằng lòng với việc yêu mến Chúa Kitô trong “mây mù của sự bất tri”. Khi gặp Magarita, cha đã nói với mẹ Samaise:

– Chị là một linh hồn ưu tuyển.

Cha đã xác quyết cho thánh nữ về đường lối của Ngài.

Thị kiến trọng đại nhất diễn ra trong tuần bát nhật kính

Mình thánh Chúa năm 1676. Trước Thánh Thể trưng kính trên bàn thờ, thánh nữ đã nghe những lời này:

– Đây là trái tim đã yêu thương loài người không còn tiếc rẻ gì, đến độ mỗi mòn tiêu hao để làm chứng tình yêu đối với họ.

Và xin thánh nữ dành riêng ngày thứ sáu sáu tuần bát nhật kính Thánh thể, để tôn thờ trái tim Người. Hôm đó, người ta rước lễ và long trọng làm việc đền tạ. Cha Lolombière dạy thánh nữ viết ra tất cả các thị kiến của Ngài rước khi cha dời đi Luân Đôn.

Cuộc bách hại của cộng đoàn lên tới cao điểm ngày 20 tháng 11 năm 1677, Chúa đã đòi thánh nữ Magarita dâng mình làm hiến vật cho sự công thẳng của Chúa, để đền bù những tội phản nghịch cùng đức ái của cộng đoàn. Khi thánh nữ quỳ xuống để làm như vậy, thì mọi người nghĩ rằng: Ngài bị mất trí. Đêm hôm sau thật khó tin nổi. Ngài nói rằng: đau khổ trong đời gộp lại cũng không thể sánh nổi với những gì Ngài đã phải chịu đêm ấy.

Lễ lên trời năm 1678, mẹ Saumaise rời chức vụ. Ngày 17 tháng 6 mẹ Greyfié được Chúa quan phòng đưa lên để làm sáng tỏ vấn đề. Trắc nghiệm thánh nữ, mẹ thấy thánh nữ rất mực khiêm tốn. Mẹ còn quyết định rằng: thánh nữ phải được lành bệnh hoàn toàn trong một thời gian nhất định, để chứng tỏ rằng các thị kiến là chân thực.

Năm 1684, mẹ Greyjié rời Paray, một thế hệ các nữ tu trẻ xuất hiện. Magarita được chỉ định làm giáo tập. Ngày 20 tháng 6 năm 1685, lễ thánh Magarita nhằm ngày thứ sáu, Magarita dạy các tập sinh, thay vì tặng quà cho Ngài, hãy dâng cho Chúa

một vinh dự. Họ dọn một bàn thờ nhỏ và đặt hình Trái tim bị thương tích có mào gai và lửa chung quanh. Tháng 6 năm 1686, các nữ tu tôn kính trái tim Chúa trong nguyện đường. Ngày 07 tháng 9 năm 1688, một nguyện đường nhỏ đầu tiên trong vườn được thánh hiến để kính trái tim.

Ngày 08 tháng 10 năm 1960, Magarita mang bệnh và ngày 17 tháng 10 năm đó Ngài từ trần, lúc 43 tuổi. Các nữ tu thấy Ngài trở nên xinh đẹp lạ lùng. Ngài được phong chân phước năm 1864 và tuyên thánh 1920.

## Thánh INHAXIÔ Thành Antiokia, Giám Mục Tử Đạo (+107)

Ngày 17-10

Người ta nghĩ rằng: thánh Inhaxiô thành Antiokia chính là đứa trẻ mà Chúa Giêsu đã ôm vào lòng và đặt giữa các tông đồ để làm gương mẫu về lòng trong trắng và đức khiêm tốn Kitô giáo. Vài tác giả còn quả quyết rằng: Ngài là đứa trẻ đưa năm chiếc bánh và hai con cá cho Chúa Giêsu làm phép lạ nuôi 500 người ăn. Điều chắc chắn là Ngài đã được đặt làm giám mục thứ nhì kế vị thánh Phêrô tại Antiokia khoảng năm 68, sau khi thánh giám mục Evôda qua đời. Suốt bốn mươi năm cai quản giáo phận, kể cả những năm bị bách hại dưới triều Domitianô, Ngài đã tỏ ra là một giám mục gương mẫu về mọi nhân đức.

Mười lăm năm bình lặng sau cái chết của bạo vương Domitianô qua đi, cơn bách hại lại nhen nhúm ở vài tỉnh dưới thời Trajanô. Vị hoàng đế cuồng tín này cho rằng: mình đạt được nhiều chiến thắng là nhờ các thần minh. Ông coi việc bách hại các tín hữu Chúa là một nghĩa cử để tỏ lòng biết ơn các thần

minh. Tháng giêng năm 107, ông tới Antiokia. Được biết tại đây có giám mục Inhaxiô đã không vâng lệnh thờ cúng tượng thần, lại còn ngăn cản người khác, ông truyền điệu Ngài tới để xét hỏi. Sau khi đe dọa và dụ dỗ đủ cách mà vô hiệu, ông kết án vị giám mục thánh thiện này phải điệu về Rôma cho thú vật xâu xé.

Cuộc hành trình về Rôma mang sắc thái một cuộc khải hoàn. Mỗi khi con tàu dừng bến nào, dân chúng đều tuổn đến chào kính vị tử đạo. Nhân dịp này thánh Inhaxiô có dịp tiếp xúc với nhiều giáo đoàn và đã viết bảy bức thư cho các Giáo hội. Tuy vậy, chuyến đi không dễ chịu gì. Bọn lính áp giải đã cố tình hành hạ thánh nhân để mong được các tín hữu ngưỡng mộ Ngài đút lót tiền bạc. Thánh nhân viết với lòng khiêm tốn:

– Trên đất liền hay ngoài biển khơi, ngày đêm tôi phải chiến đấu với các súc vật, bị xiềng vào mười con sư tử. Tôi muốn nói là những người lính canh giữ tôi. Người ta càng cho tiền, họ càng hung dữ. Những người đối xử tàn tệ của họ là trường đào luyện tôi mọi ngày, nhưng không phải vì vậy mà tôi được nên công chính đâu”.

Ở Smyrna, thánh Inhaxiô đã gặp thánh Pôlycarpô. Vị giám mục thánh thiện này cũng là môn đệ của thánh Gioan như thánh Inhaxiô. Thánh Pôlycarpô đã hôn xiềng xích của người bạn lừng danh. Tại đây thánh Inhaxiô có dịp gặp đại diện của nhiều Giáo hội tới thăm. Biết rằng ở Ahila Delphia có sự chia rẽ trong hàng giáo sĩ, Ngài đã viết thư khuyên nhủ họ:

– Hãy tránh xa những phân rẽ và các giáo thuyết nguy hiểm. Hãy theo mục tử các bạn khắp nơi như đoàn chiên. Tôi vui

sống hết mực những góp phần củng cố đức tin các bạn, nhưng không phải do tôi mà do Chúa Giêsu Kitô. Được mang xiềng xích vì danh Chúa, hơn lúc nào, tôi cảm thấy mình còn quá xa sự trọn lành. Nhưng kinh nguyện của các bạn sẽ làm cho tôi được xứng đáng với Thiên Chúa và với di sản mà lòng nhân từ và đã dọn sẵn cho tôi.

Các thư của các thánh nhân gửi riêng cho mỗi nơi, Ngài ca tụng tinh thần kỷ luật của tín hữu Manhêsiânô (*Magnésiens*):

– Tôi hãnh diện được gặp các bạn nơi cá nhân đức giám mục Damas của các bạn. Tuổi trẻ của Ngài không được nên cố để các bạn suông sã với Ngài. Các bạn cần phải tôn kính chính Thiên Chúa là Cha nơi Ngài.

Với dân Tralliânô (*Tralliens*) Ngài viết:

– “Hãy yêu thương nhau. Xin cầu nguyện cho tôi nữa. Tôi cần đức ái và lòng nhân hậu Chúa để được nhận vào hưởng gia nghiệp mà tôi đã sẵn sàng chiếm hữu”.

Nhưng Ngài sợ dân Rôma, vì nhiệt tâm mà cất mất triều thiên tử đạo của mình. Nhờ một du khách đi Italia, Ngài khẩn khoản:

– Các bạn không thể trao tặng cho tôi một bằng chứng quý mến nào khác, là để cho tôi được tế hiến mình cho Thiên Chúa. Ân huệ tôi van xin các bạn là hãy hát bài ca cảm tạ ơn Chúa mà nhờ công nghiệp Chúa Giêsu Kitô, Đức giám mục Smyrna bên Tây phương đã được, để Ngài được đưa vào vinh quang. Hãy để cho tôi thành của ăn nuôi thú vật, hầu tôi được vui hưởng Thiên Chúa, Tôi là hạt lúa mì của Thiên Chúa. Tôi cần được rã ngũ cốc đã nghiền nát để trở thành bánh tinh tuyền của Chúa Kitô.

Tốt hơn, hãy sẵn sóc các thú vật này để chúng thành nấm mồ của tôi. Chính lúc này tôi đang trở nên một môn đệ chân chính. Chớ gì những hình khổ độc dữ nhất đổ xuống mình tôi, miễn là tôi được Chúa Giêsu Kitô. Được cả thế gia này nào có ích lợi gì cho tôi? Tôi chỉ ước mong được kết hiệp với Chúa Giêsu Kitô...

Ngài còn viết thêm:

– Ước mơ của tôi là được đóng đinh vào thập giá. Trong tôi chỉ có một dòng nước hằng sống vẫn rì rầm lời kêu gọi: “Hãy về với Cha”.

Thánh nhân còn viết nhiều điều khác nữa, bàn về chân lý đức tin, kỷ luật Giáo hội và những sai lầm nguy hại.

Ngày 20 tháng 12 năm 107 là ngày cuối cuộc vui cũng là ngày thánh Inhaxiô tới Rôma. Sau khi đọc bức thư của nhà vua, quan tổng trấn truyền đem thánh nhân đến thẳng hí trường. Dân chúng đang tụ họp đông đảo. Ngài lập lại câu nói đã viết trong trường hợp gửi dân Rôma: “Tôi là hạt lúa mì của Thiên Chúa. Tôi cần được rang thú dữ nghiền nát để trở thành bánh tinh tuyền của Chúa Kitô“. Hai con sư tử gầm rống và bổ tới thánh nhân mà cắn xé. Người ta kính cẩn thu nhặt những khúc xương còn lại và đưa về Antiokia. Dưới thời Hêracliô, xương Ngài lại được đưa về Rôma.

## Thánh Luca Thánh Sử (Thế Kỷ I)

Ngày 18-10

Thánh Luca, tác giả Phúc âm thứ ba và sách Công vụ sứ đồ, là người đóng góp đơn độc và rộng rãi nhất cho Tân ước. Như các tác phẩm cho thấy, Ngài là một trong những Kitô hữu có học nhất thời Giáo hội ly khai. Dầu vậy, Ngài rất mực khiêm tốn và ẩn mình đi đến nỗi dù một chút gì chúng ta biết về Ngài cũng phải đọc trong những dòng chữ của Ngài bằng kính phóng đại. Chúng ta chú mục vào những chỗ “nhóm chúng tôi” thay vì “họ“, nghĩa là Ngài nhận sự có mặt của mình trong khung cảnh chuyển nó vào những dẫn chứng rời rạc trong thánh Phaolô, tìm những khuôn mặt xem ra rõ rệt nhất, phân tích việc chọn lựa và xử dụng từ ngữ của Ngài. Dần dần hình ảnh của thánh Luca nổi lên:

Ngài tự bẩm sinh là người Hylạp, chứ không phải Do thái, nhưng theo ngôn ngữ và văn minh xem ra Ngài đã không sinh ra tại những thành phố Hy Lạp lớn miền cận đông. Một tác giả thứ hai nói Ngài sinh ra tại Antiôkia, Syria và khi những biến cố



xảy ra dường như Ngài đang sống ở đó trong thập niên bốn mươi của thế kỷ đầu và đã là một trong những lương dân trở lại đầu tiên.

Theo nghề nghiệp, Ngài là y sĩ và rất có thể đã theo học đại học tại Tarse. Bởi đó có thể Ngài đã có vài tiếp xúc trước với thánh Phaolô khoảng năm 49 hay 50, Ngài đã liên kết với thánh Phaolô trong sứ vụ qua Tiểu Á tới Âu Châu. Dầu vậy khi tới Philipphê, thánh Luca đã dừng lại đó, không phải là giám mục của Giáo hội tân lập vì dường như thánh nhân đã không hề lãnh nhận chức thánh, nhưng đúng hơn ta có thể gọi là “thủ lãnh giáo dân”. Hơn nữa, Ngài dường như dấn thân vào thành phần sử gia, một vai trò mà sự giáo dục và cố gắng rất phù hợp với Ngài. Sự quan sát kỹ lưỡng và diễn tả chính xác là những từ ngữ của các trường thuốc Hy Lạp và các văn phẩm của thánh Luca chứng tỏ để Ngài đã biết áp dụng chúng vào lãnh vực lịch sử.

Dầu vậy, vào khoảng năm 57, thánh Phaolô đã từ Corintô trở lại qua Macedonia trên đường đi Giêrusalem, để thu thập các đại diện từ nhiều Giáo hội khác nhau và thánh Luca đã nhập bọn, từ đó trở đi Ngài đã không hề rời xa thầy mình. Ngài đã chứng kiến việc người Do thái tìm cách hại Phaolô và việc người Rôma giải cứu thánh nhân. Khi Phaolô đáp tàu đi Rôma sau hai năm bị tù ở Cêsarêa, thánh Luca ở với Ngài. Họ bị đắm tàu ở Malta và cùng tới Rôma. Nhưng ở Rôma. Thánh Luca đã thấy một trách vụ khác đang chờ đón Ngài. Rôma là con mắt của Phêrô và người phát ngôn của thánh Phêrô là Marcô đã xuất bản Phúc âm viết tay của Ngài.

Nhưng còn những ký ức khác đã được viết ra hay truyền tụng

rời rạc hoặc toàn bộ về cuộc đời của Chúa chúng ta trên trần gian. Thánh Luca đã quyết định rằng: sứ vụ cho lương dân cần một Phúc âm mới, được viết ra bằng Hy ngữ văn chương hơn là Phúc âm của Marcô cho hợp với lương dân có học và không dành riêng cho người Do thái như là Phúc âm của thánh Mathêo: việc trước tác sách này là phần tiếp theo sách Công vụ sứ đồ xem như hoàn thành tại Rôma giữa năm 61 tới 70, nhưng thánh Luca đã trốn cuộc bách hại của Nêrô và đã trải qua quãng đời còn lại tại Hy Lạp.

Tài liệu thế kỷ thứ hai viết:

“Trung thành phục vụ Chúa, không lập gia đình và không có con; Ngài được qua đời hưởng thọ 84 tuổi ở Boetica, đầy tràn Thánh Thần”.

Thánh Luca là một vị thánh luôn luôn bình dân. Một phần có lẽ vì chúng ta hiểu rõ Ngài là một giáo dân, thừa hưởng văn hóa Hy Lạp cổ. Hơn nữa, Ngài bình dân vì đặc tính lương dân và dân thân của mình. Tất cả văn phẩm của Ngài đầy quan tâm đến con người, thương cảm con người, liên hệ tới người nghèo, hào hiệp với phụ nữ. Ngài cũng rất hấp dẫn bởi đã thu thập và kể lại vô số những công cuộc đầy nhân hậu của Chúa Kitô.

Thật ra người ta sẽ lầm lẫn khi chìm mất tính chất và giáo huấn nghiêm khắc của Chúa. Nhưng các y sĩ có thể hãnh diện về Ngài vì chắc hẳn không có y sĩ nào sẽ qua mặt được Ngài về “tình yêu dành cho nhân loại”. Và những người còn lại trong chúng ta có thể biết ơn Ngài vì nhờ Ngài chúng ta có được dụ ngôn cây vả khô chồi (13,60) đưa con hoang đàng (15,11) và người Samaria nhân hậu (10,300). Chúng ta cũng biết ơn Ngài

vì câu chuyện người kẻ trộm thống hối và cả năm mâu nhiệm Mân Côi mùa Vui.

Nhưng trên tất cả, chúng ta mắc ơn Ngài Kinh Ave “Ngợi khen” (*Magnificat*), chúc tụng (*Benedictus*), Phó dâng (*Nuncdimittis*) với quá phân nửa câu truyện ngày lễ Giáng sinh. Rồi đây là chỗ mà sự khiêm tốn ẩn mình của thánh nhân xa rời chúng ta.

Thánh Luca đã nghe truyện từ miệng Chúa không? Thánh nhân không nói điều này cho chúng ta nhưng rất có thể lắm. Chúng ta biết sau cuộc đóng đinh, mẹ đã được thánh Gioan săn sóc và chắc chắn đã có sự giao tiếp giữa hai thánh sử này. Nhưng trùng hợp của hai Phúc âm (như về việc biến hình) hay những trùng hợp về ngôn ngữ trong phần đầu sách Công vụ mạnh mẽ minh chứng điều này,

Hơn nữa, nếu thánh Luca được rửa tội ở Antiôkia khoảng năm 40 thì tự nhiên là có thể tìm gặp được thánh Gioan ở Giêrusalem... Lúc ấy Đức Mẹ trên dưới 70 tuổi. Như vậy không có lý gì thánh Luca lại không thể nghe chính môi miệng mẹ kể chuyện. Mà đầu chuyện này có đến với Ngài cách gián tiếp đi nữa, chúng ta vẫn biết ơn Ngài đã lưu lại cho chúng ta những giai thoại đặc biệt ấy.

## Thánh Phaolô Thánh Giá (1694 – 1775)

Ngày 19-10

Ít có biến cố đẹp mắt để ghi lại cuộc đời của Paul Prannes Daniel. Thường trọn đời Ngài dành cho cầu nguyện, sám hối và tôn sùng cuộc tử nạn của Chúa. Ngài là dụng cụ phổ biến lòng tôn sùng này với dòng tu Ngài thiết lập, dòng Thương khó. Ngài sinh tại miền Bắc Ý năm 1694 từ một gia đình trung lưu đạo đức. Đầu cuộc sống Ngài cho tới tuổi 15 đã diễn ra như cuộc sống bình thường của người Kitô hữu, nhưng vào thời này, người đã trải qua một loạt trở lại khiến Ngài dâng trọn đời cho việc cầu nguyện hãm mình: Ngài quỳ gối lâu giờ, thực hành những việc phạt xác như ngủ trên đất và ăn chay liên tục, nhờ đó ảnh hưởng đối với những người đương thời, khiến nhiều người đi tu dòng hay là một linh mục triều.

Vào tuổi 20, việc gia nhập đạo quân Venise để bảo vệ Kitô giáo chống lại người Hồi cho thấy sau một thời lý tưởng Ngài đã khác. Nhưng Ngài đã trở lại đời sống cầu nguyện hãm mình.

Sáu năm qua đi và chỉ đến lúc 26 tuổi, Ngài mới thấy rõ hơn chuỗi ngày tương lai của mình trong một loạt các thị kiến. Ngài hiểu rằng: mình phải lập một dòng tu đặc biệt tôn sùng cuộc khổ nạn. Trước hết Ngài bắt đầu nếp sống mà tu sĩ dòng Thương khó sẽ phải sống, trong khi phát ra một qui luật gửi về Rôma xin phê chuẩn. Sau một ít khó khăn, luật này đã được chuẩn nhận. Ngài và em mình là Gioan Tẩy giả đã lập dòng ở Mote Argentaro và nhận những tập sinh đầu tiên. Đức Bênêdictô XIV đã buộc giảm nhẹ đôi chút sự khắc khổ trong đời sống tu trì và đi rao giảng trong các miền lân cận.

Phaolô là một nhà truyền giáo nhiệt thành rao giảng cuộc Thương Khó khắp nơi và gây được nhiều cuộc trở lại. Những năm cuối đời, Ngài đã lập dòng các nữ tu thương khó. Bây giờ Ngài được dân chúng coi như một vị thánh và mỗi khi đi qua đâu, Ngài phải chịu đựng đám đông những người lo kiếm miếng vải áo Ngài làm thánh tích, họ chạm tới Ngài hay xin Ngài chữa bệnh hoặc một ân huệ nào khác. Ngài qua đời ngày 18 tháng 10 năm 1775 vào tuổi 80 và được tuyên thánh khoảng gần thế kỷ sau năm 1865.

Điều lạ lùng là vị thánh người Ý không hề rời xa quê hương mình sinh trưởng lại rất quan tâm tới việc trở lại của nước Anh mà Ngài biết đến rất ít. Ngài nói: “Nước Anh luôn ở trước mặt tôi và nếu nước Anh trở lại công giáo thì ích lợi cho Giáo hội vô kể”. Dầu bản thân Ngài đã không thể đi bước tích cực nào để cải tiến vấn đề, cũng cần ghi lại rằng 65 năm sau khi Ngài qua đời, một tu sĩ, dòng Thương Khó, anh Dominicô Barbeni đã tới nước Anh và trở thành dụng cụ đưa về hiệp thông với Giáo hội

John Henry Newman và nhiều người khác nữa, như thế là góp phần vào việc phục hồi đạo công giáo tại xứ sở này.

## Các Thánh Tử Đạo Miền Bắc Mỹ (Thế Kỷ XVII)

Ngày 19-10

Rênê (+1642) Jean Lalande Và Isaac Jogues (+1644) Antoine Daniel (+1648) Jean De Brébeuf Và Gabriel Lalemant (+1649) Charles Garnier Và Noel Chabanel (+1649).

Ngay từ năm 1608, hai tu sĩ dòng Tên đã được gửi tới miền Nova Scotia, nhưng công cuộc sớm bị ảnh hưởng những cuộc chiến tranh với nước Anh và mãi tới năm 1632 khi Canada đi về với Pháp, trung tâm truyền giáo mới được các tu sĩ dòng Tên thiết lập thường xuyên ở Rucbee.

Năm 1633, bề trên Paul le Jeune kết hợp với Jean de Brébeuf, một nhà quý phái sinh tại Normandie, và Antoine Daniel với Ennemond Massé. Những khó khăn của các nhà thám hiểm này được biểu trưng bằng những kinh nghiệm của Le Jeune khi Ngài theo nhóm Algonquin đi săn bắn: những cố gắng rao giảng của Ngài bị phá hoại bởi những tiếng reo hò, chế giễu, bởi vì người da đỏ dạy người nói thổ ngữ để châm chọc đã dùng những chữ

độc ác nhất đặt ngang với từ ngữ chỉ đức tin Kitô giáo. Le Jeune cũng bắt đầu cảm thấy bốn khía cạnh tệ hại nhất trong đời sống dân da đỏ là: lạnh, nóng, khói và chó. Trong căn lều chất đầy đàn ông, đàn bà và chó ngủ chung quanh đồng lửa đến khi thường bị mù lòa. Một sự kiện khiến Le Jeune nhận định: “Những lương dân bất hạnh này trải qua cuộc sống đời tạm trong khói mờ và chôn vùi cuộc sống đời đời trong lửa cháy”.

Le Jeune quyết định rằng không có cuộc truyền giáo nào hy vọng thành công được nếu không hướng về những bộ lạc đã định cư. Dân Huron sống ở miền phía đông bờ biển Huron đã được chọn làm trung tâm truyền giáo. Năm 1634, Brébeuf Daniel và Davort đã thành công trong việc hoà đồng với dân tộc gồm hai chục ngàn dân sống trong ba mươi làng, mỗi làng có khoảng bảy trăm dân này.

Các nhà truyền giáo gặp được những người da đỏ lịch sự nhưng xa cách trẻ em và những người hấp hối hầu như không thể trở lại đạo được, vì họ chỉ coi đó là tôn giáo của người da trắng. Họ hỏi: “Các ông có sẵn bản trên thiên đàng, đánh nhau hay mừng lễ không?”. Được trả lời là không. Họ liền đáp lời: “VẬY CHÚNG TÔI KHÔNG TỚI ĐÓ ĐÂU. NHÀN CƯ VI BẤT THIỆN”. Các nhà truyền giáo nhận thấy điều chống lại mình chính là cả nếp sống với những cưới hỏi phải tranh hùng, những hành hạ và những cuộc ăn thịt người. Các Ngài quyết định chính mình tập trung dân lại, không coi họ là đồng minh. Nhưng khích lệ và còn hy vọng những cuộc hôn nhân với dân cư gốc Pháp nữa.

Sự sáng suốt của quyết định này đã được củng cố với những kinh nghiệm thu lượm được trong cuộc thí nghiệm năm 1638,



trùng hợp với việc đến góp mặt của năm nhà truyền giáo khác nữa trong đó có: Isaac-Joques, một học giả và nhà lực sĩ có thể qua mặt cả người da đỏ và Charles Garnier. Dân da đỏ bắt đầu thù nghịch với các tu sĩ dòng Tên như là những phù thủy nguyên rủa dân tộc họ, khi ấy bóng áo dài của các Ngài in trên nền tuyết trắng trên đường đi tới làng nào, trẻ con khóc thét tìm mẹ như là cơn đói và dịch tễ đã đến. Đó là lúc Jean de Brebeuf thấy thánh giá vĩ đại của mình tiến đến từ vùng đất dân Iroquois cư ngụ, kẻ thù của dân Huron. Khi được hỏi thánh giá ấy giống cái gì, Ngài trả lời: “Nó lớn đủ để đóng đinh tất cả chúng ta”.

Dân Iroquois nuôi dưỡng sự tức giận từ khi bị người Pháp đánh bại 30 năm về trước và mức độ tấn công của họ ngày càng lớn thêm. Vào tháng tám năm 1624 Jognes, Goupil (một giáo dân cộng tác vào việc truyền giáo) và một nhóm người da đỏ từ Quebu trở về với thực phẩm cần thiết cho nhóm truyền giáo và những người dân da đỏ đói khổ. Họ bị dân Iroquois tấn công và bắt giữ. Dân này gặm tay họ như chó dại, rút móng tay và bắt họ chạy giữa hai hàng người cho người ta đánh đập mỗi khi qua làng nào. Sự tinh chế hay là “Mơ trốn” (như người da đỏ nói) của cực hình họ chịu còn nhiều hơn nữa: than nóng, dao mác, cắt xẻo để điều cốt và vui chơi. Cái chết trong bầu khí quỷ quái hơn là chỉ để vui chơi, thường bằng cách thiêu sống và rồi sau đó thân thể được phân phát làm của ăn.

Goupil tội tệt nhất. Ngài bị giết ngày 29 tháng 9 năm 1642 bằng một nhát búa vì dám rửa tội một em bé nhưng Jognes bị giam giữ nhiều tuần với bản án tử hình vĩnh viễn. Cuối năm

1643, với sự trợ giúp của vài nhà buôn Hòa Lan, Ngài đã trốn thoát được về Pháp bằng tàu, nhưng lại trở lại truyền giáo năm 1644 và được chính quyền miền tây Pháp gửi tới dân Iroquois như một sứ giả trong một thời gian hưu chiến ngắn.

Được khích lệ bởi những kết quả của cuộc viếng thăm này, Jognes đã trở lại với một giáo hữu trợ tá khác là Jean Lalande. Nhưng thành công của họ không sống lâu: một vụ mất mùa, một cái hộp khả nghi của Jognes mà người da đỏ tin là có chứa một tai họa và cả hai bị bắt, bị hành hạ, bị giết ngày 18 tháng 10 năm 1644.

Hầu hết dân Huron đã bắt đầu đón nhận đức tin Kitô giáo, tinh thần của họ như một dân bị khổ cực với những cuộc tấn công liên li của dân Iroquois. Cuộc tử đạo kế tiếp xảy ra vào ngày 4 tháng 7 năm 1648 khi pháo đài chính xứ thánh Giuse, một làng 26 ngàn người bị dân Iroquois phá hủy. Antoin Daniel thành công trong 4 năm liên tiếp vừa mới cử hành thánh lễ xong, khi thấy nhóm người bảo vệ bị vây khốn, Ngài giục họ trốn đi và nói: “Tôi sẽ ở lại đây, chúng ta sẽ gặp lại nhau trên thiên đàng”. Mặc nguyên áo, Ngài tiến ra gặp người Iroquois. Họ ngỡ ngàng nhìn lại một chút, rồi bắn một loạt tên. Sau đó bắt nạn nhân của mình, tẩm mặt họ vào máu Ngài và ném xác Ngài vào ngôi nhà thờ đang bốc cháy.

Mùa Xuân tiếp sau, người Iroquois tăng gấp đôi nỗ lực nhằm hại người Huron và trong một cuộc tấn công của 1000 người vào làng thánh Lu-y, họ bắt thánh Jean de Brébeuf và Gabriel Lement, thánh Jean de Brebeuf bị hành hạ nghiêm khắc đến nỗi đã chết sau 4 tiếng đồng hồ. Một chiếc vòng bằng vàng những

cái rìu nóng đỏ quấn quanh cổ Ngài và Ngài đã được một người Huron phản đạo rửa tội trong nước sôi. Nằm chết, đám đông uống máu Ngài và thủ lãnh họ được đặc ân ăn trái tim Ngài.

Lelemant ốm yếu đã sống sót được 17 giờ bị hành hạ trước khi tắt hơi ngày 17 tháng 3 năm 1649.

Hai vị tử đạo khác bị những người Thổ của Giáo hội người da đỏ kêu gào đòi mạng khi sự khùng khiếp trải rộng tới dân tộc Tobacco sống ở những thung lũng núi Blue. Trong cuộc tấn công vào xứ thánh Gioan tháng 12 năm 1644, Charles Garnier đã bị giết khi Ngài cố gắng giải tội cho một người da đỏ, đang hấp hối. Là con của một người dân thành Paris, Ngài đã sống bằng rễ cây và trái sồi và đi bộ 30 hay 40 dặm dưới sức nóng của mùa hạ qua miền đất thủ hân để rửa tội một người da đỏ đang hấp hối. Bạn Ngài, Noel Chabanel ngán các điều kiện của việc truyền giáo đến nỗi tự buộc mình bằng lời khấn sẽ ở lại đó cho tới chết, đã bị giết chết bởi một người Huron phản đạo vì tin rằng: tôn giáo mới chịu trách nhiệm về số phận đau khổ của quê hương anh ta.

Cuộc truyền giáo cho người Huron như thế thật gian khổ chỉ thấy chán nản thất vọng và phân tán. Tuy vậy ảnh hưởng của cuộc truyền giáo đã thay đổi nếp sống những người da đỏ, dầu họ còn hoang dại nhưng hết độc ác.

## Thánh Gioan Capistranô, Dòng Phanxicô (1386 – 1456)

Ngày 23-10

Cha của Gioan là một nhà quý tộc người Pháp đã theo bá tước Anjon trong cuộc chinh vương quốc Naples. Để ân thưởng cho lòng can đảm, ông đã được chiếm những lãnh địa rộng lớn. Ông định cư tại Caoistranô và qua đời sớm sau khi cưới một thiếu nữ người Ý. Gioan con của ông theo học tại Perugia đã gia nhập ngành thẩm phán.

Các tài năng của thánh nhân đã khiến cho thánh nhân được coi như hoàng tử của các luật gia. Được đặt làm nhà cầm quyền, thánh nhân hiểu rõ sự cao trọng trong sứ mạng của mình: đứng vững với những đe dọa của các lãnh chúa, Ngài quyết nâng đỡ những người nghèo khó. Một cư dân quý phái giàu có muốn gả con cho Ngài. Tương lai rực rỡ trước mắt Gioan khi bất ngờ định mệnh đổi khác. Lãnh trách nhiệm hoà giải Perugia và Rimini, Ngài bị tố cáo là đã thiên tư, bị bắt giam ở Rimini... trong một tháp canh.

Gioan muốn tẩu thoát, bị gãy chân và nằm bẹp nhưng một hầm gia dưới đất. Trong tận cùng đau khổ, một tu sĩ dòng Phanxicô xuất hiện mời gọi Ngài sống đời sống nghèo khó và bác ái. Gioan đã nhiệt thành đáp lời. Vừa khi được phóng thích, Ngài bán mọi của cải, từ hôn và đến với các tu sĩ dòng Phanxicô ở Perugia. Chân phước Marcô thành Bergame nghi ngờ ơn gọi như vậy và đón nhận Ngài với những lời chẳng hoà nhã chút nào: “các tu viện không phải nơi trú chân của những kẻ lang thang hay chán đời. Phải có những thử thách khác để gia nhập một dòng tu. Tôi chỉ nhận anh khi anh nói lời từ già những phù vân thế tục mà tôi sẽ chỉ cho anh”.

Đây là một lời già từ lưng danh, một thử thách nổi tiếng thánh nhân phải chịu. Perugia được chiêm ngưỡng nhà cầm quyền của họ riều qua đường phố, quay ngược lại trên lưng lừa ăn mặc rách rưới, đầu đội nón có ghi những tội của mình bằng chữ lớn. Dân chúng nhạo cười, nhưng Gioan can đảm đón nhận mắng nhiếc.

Tại nhà dòng, Gioan có một bậc thầy chỉ là trợ sĩ, anh Onuphre, người nghiên khắc lột bỏ con người cũ của Ngài cách vĩnh viễn. Thêm vào những lời quở trách là những nghiêm nghị. Nhưng những bất công dày và phải được bình thản lãnh nhận, chẳng hạn ngày kia anh em giặt đồ đang đợi cho nước bớt nóng. Bỗng anh Onuphre đi tới. Bỏ qua mọi anh em khác, anh giận dữ phạt Gioan vì biếng nhác và lấy áo dài từ nước nóng bỏng ra thải vào mặt Gioan. Đáp lại, Gioan khiêm tốn đến quì trước mặt anh.

Viên chức mãn nguyện còn tăng gấp đôi lòng nhiệt thành

của Ngài trong những công việc thấp hèn nhất, đồng thời vẫn học thần học thánh Bernadinô thành Sienua là thầy dạy, thán phục vì những bước tiến ngoại hạng của Người đã nói: “Gioan ngủ mà học những điều mà người khác ngày đêm nỗ lực mới học được” Dường như Ngài có sự hiểu biết thiên phú, là nhà thần học sâu sắc và sắp thành nhà truyền giáo lớn của thời Ngài.

Gioan rảo qua các tỉnh thuộc nước Ý và dẫn về cho Chúa hàng triệu những kẻ lạc giáo và những tội nhân, Ngài đã thăm các dòng tu ở Đông phương, góp phần hiệp nhất với người Armenia. Trở về Ngài nổi bật tại cộng đồng Florentinô và được đặt làm sứ thần tại Sicile. Giữa những thành công rực rỡ. Gioan vẫn là con người cầu nguyện và sám hối. Ngài xây dựng các tu viện, chống lại lạc giáo. Các bài giảng của Ngài thật phi thường. Thiên Chúa rõ ràng bao bọc Ngài. Những người rối đạo lân la để biết chỗ Ngài ở đâu. Giọng điệu của họ đủ cho thấy rõ số phận họ muốn dành cho Ngài như thế nào. Gioan giản dị và êm ái trả lời: “Tôi đây”. Những người theo bè rối sống sờ và không làm gì hại Ngài.

Một huyền thoại bình dân kể rằng: thánh nhân khi già từ Assisiô với các bạn để hoàn thành một sứ mệnh, bị từ chối không được chở qua sông gần Trévisê vì người lái xe đoán rằng: đám người nghèo này sẽ không trả tiền. Thánh nhân trải áo của Bernadiô thầy mình trên sông. Nước sẽ rẽ ra và các tu sĩ qua bờ bên kia sông.

Đức giáo hoàng đã sai Gioan qua Đức, Hungari, Bohemia, Balan. Cả thành ra đón Ngài, lão già nhỏ bé khô khan kiệt sức

nhưng vui tươi không mệt mỏi. Cả đoàn thánh giá đã nghe Ngài mỗi ngày. Sau đó người ta công khai đốt các cỗ bài, những hình ảnh dâm ô, những đồ trang sức, mọi cái có hại cho tâm hồn.

Đây là lửa hoả thiêu lâu dài của quỷ dữ. Ở Bohemia sau một trong những bài giảng về sự phán xét, thánh nhân đã gây hứng khởi cho hơn 100 thanh niên ôm ấp đời sống tu trì. Các Đức giáo hoàng nối tiếp liên tiếp trao cho Ngài những sứ mệnh đặc biệt.

Người Hồi vừa mới xâm chiếm Constantinople. Mahomet tin rằng: mình là thủ lĩnh Kitô giáo. Không ông hoàng nào xem ra có thể ngăn cản nổi cuộc xâm lăng. Gioan Capistrano nhận được lệnh của Đức giáo hoàng để cổ động đoàn quân thánh giá, Ngài liên kết được 40 ngàn người và chọn Hunyade là một anh hùng làm thủ lĩnh của họ. Quân hung bạo bốn lần đông hơn chế nhạo. Belgrade đã bị chiếm. Mọi sự xem ra đã mất hết. Gioan lao lên hàng đầu, tay cầm kỳ hiệu và một thánh giá, khuyến các binh sĩ hoặc thắng hoặc chết. Địch quân rút lui, thành lũy được cứu thoát.

Vài tuần sau, Hunyade qua đời trong tay Gioan, người sống sót đã được lâu hơn ông ta một chút. Ngài riến tới gần cái chết với sự bình thản hoàn toàn và các ông hoàng đã thán phục sự can đảm của Ngài, bấy giờ phải bối rối trước sự khiêm tốn của vị thánh khi hấp hối, công khai thú nhận các lỗi lầm của mình.

## Thánh Antôn Maria Claret, Giám Mục Tổ Phụ Dòng Trái Tim Vẹn Sạch Mẹ Maria (1807 – 1870)

Ngày 24-10

“Tình yêu Chúa Kitô thúc bách tôi”.

Đó là châm ngôn và chương trình đời sống thánh ANTÔN MARIA CLARET. Ngài sinh năm 1807 tại Sallent Bắc Tây Ban Nha, trong một gia đình khiêm tốn làm nghề dệt. Là con thứ 5 trong 10 anh em, thánh nhân tỏ ra nhanh nhẹn thông minh có khiếu đối với nghề nghiệp của cha anh và được gởi đi Barcelone trong một xưởng máy lớn. Ban chiều, Ngài dự lớp học Pháp văn, nghiên cứu La văn và luyện nghề ấn loát, không có gì Ngài xao lãng cả. Ông gọi đi tu sống sâu trong đáy lòng Ngài, kèm theo mọi hành động và sắp trở thành mạnh mẽ nhất: cuối cùng Ngài đã bước qua cổng chủng viện ở Vich năm 1829.

Trước tâm hồn phong phú của thánh nhân, Đức cha Corcuer đã rút ngắn chương trình thần học. Ngài thụ phong linh mục



6 năm sau và cử hành thánh lễ đầu tiên tại giáo xứ Ngài đã được rửa tội. Được cử làm cha sở, Ngài đã thánh hóa địa hạt của mình. Nhưng việc tông đồ của Ngài cần một địa hạt rộng lớn hơn. Ngài đi Rôma, muốn gia nhập dòng Tên nhưng một vết thương ở chân buộc Ngài từ bỏ ý định trở về Tây Ban Nha. Bản chất nóng nảy của Ngài tỏ lộ những ân huệ siêu nhiên mới, tài hùng biện thánh của Ngài tăng bội số những cuộc trở lại, chủ đề được ưa chuộng của Ngài là: “đường thẳng và chắc để về trời” và ngày càng thêm nhiều người dẫn thân vào đường hẹp sỏi đá mở ra ánh sáng. Đức Trinh Nữ hình như hiện diện khi Ngài trình bày các bản phận của bậc sống nhạt nhẽo nhưng có nét đẹp ẩn giấu trước mặt Chúa, các từ bỏ liên tiếp... Ngài đã đi giảng như vậy qua một tỉnh với hành trang gồm có cuốn sách Thánh Kinh và sách nguyện gói trong khăn, Ngài từ chối tất cả tiền bạc, ngủ dưới vòm trời, giải tội ngày đêm và dâng lễ khi ánh sao cuối cùng vừa lặn. Ngài đã đặt tay chữa bệnh, chiêm ngắm các cuộc hiện ra.

Antôn rất gần gũi tự do đến nỗi đã gây nên những ghen tương, những lời chế nhạo ngắt ngang bài giảng của Ngài. Mạng sống bị đe dọa, Ngài phải giã từ quê hương thân yêu để rồi chỉ trở lại 15 năm sau để được đề cử và tấn phong Tổng giám mục Santiago, Cuba, tại nhà thờ chính toà Vich, Ngài đã dùng khoảng thời gian giao thời này để Phúc âm hoá các đảo Camari và đặt nền móng tu hội thừa sai Trái tim vẹn sạch Đức Mẹ, Ngài nỗ lực dưới mọi hình thức để cứu vớt các linh hồn. Đây là lúc Ngài thêm danh hiệu MARIA vào tên mình.

Vị tổng giám mục truyền giáo cập bến, Ngài sắp gặp thấy

một giáo xứ đầy thương tâm gồm một ít linh mục thiếu học nghèo túng, Ngài thiết lập một nhóm học hiểu biết và tiếp tục vai trò người bao bọc vì Chúa Kitô, Ngài mất 6 năm để rảo qua các địa phận mênh mông của mình, những con số sau đây nói lên hoạt động của Ngài: 11.000 bài giảng, 120.000 lễ Thêm sức, 40.000 phép rửa tội, 12.000 lễ hôn phối. Còn một nhọc hơn cả những khó khăn trên đường, thánh nhân hòa mình với các bệnh nhân ngã gục vì dịch tả. Các chủ nhân buôn bán nô lệ tố cáo Ngài đã xúi giục các người bị tàn phá nổi loạn. Mười lăm lần Ngài đã thoát chết. Ngài mơ lập một trường nông nghiệp nhưng gặp những chống đối mạnh mẽ.

Theo lời thỉnh cầu của hoàng hậu Isabelle II, đức giáo hoàng đã cử thánh Anton Maria làm tuyên úy cho bà. Ngài nhận lời sau nhiều do dự, với điều kiện là sẽ đứng ra ngoài mọi chuyện chính trị và không sống trong hoàng cung. Từ Madrid, Ngài tiếp tục cai quản Cuba. Nhưng sự ghen tương không dứt. Sự vụ không đã đưa đến chỗ các kẻ thù ký tên khả kính của Ngài dưới những danh sách bản tiện, trong khi chính Ngài đã là tác giả xây dựng của 150 pho sách hay những tập rời. Cuộc cách mạng đã xua đuổi hoàng hậu tới Pan, rồi Paris là nơi cha giải tội đã theo bà và lo lắng cho thuộc địa Tây ban Nha và vẫn theo đuổi phát triển của tu hội truyền giáo, Ngài dự cộng đồng bàn về giáo thuyết bất khả ngộ của tòa thánh. Sự ghen ghét của những thù địch người Tây ban Nha theo đuổi Ngài mãi. Thánh nhân một thời rút lui về một trong những nhà dòng của Ngài ở Prades, rồi ở L'Audes, nơi các thầy dòng Kitô ở Phontfroide là nơi không hề phàn nàn kêu trách năm 1870.

Antôn Maria Claret vị thánh rất tân thời đã tỏ ra là nhà tiên phong với nhà sách đạo của Ngài. Trước khi có các tu hội triều ngày nay, Ngài đã sáng nghĩ ra “các nữ tu tại gia” là học giả uyên bác, Ngài đã xếp các văn sĩ có giá trị, các nghệ sĩ công giáo vào “hàn lâm viện thánh Micae”.

## Thánh Hedviga, Nữ Tu (1174 – 1243)

Ngày 26-10

Thánh nữ Hedviga sinh tại Bavaria vào khoảng năm 1174. Ngay từ hồi 4 tuổi, Ngài đã được gửi học tại tu viện. Lên 12 tuổi, Ngài kết hôn với Henri, bá tước miền Silêsia.

20 tuổi, thánh nữ Hedviga đã là mẹ của sáu người con, ba trai ba gái. Năm 1209, họ quyết định hiến thân cho Thiên Chúa để sống đời khiết tịnh nhưng vẫn chu toàn trách vụ thuộc bổn phận mình. Họ sống như anh em, lo cho con cái lẫn các gia nhân sống đạo đức mà không dung túng cho bất cứ một chuyện dèm pha nào. Mỗi ngày nữ bá tước nuôi cho 13 người ăn, để kính Chúa Giêsu và 12 tông đồ. Ngài mặc một áo nhặm bên trong các y phục thường ngày, khiến Ngài phải chịu nhiều hy sinh lớn lao.

Nhưng các đau khổ tinh thần còn lớn lao hơn, như xé nát lòng người. Vị bá tước dầu đáng kính nhưng lại có khuyết điểm là thương riêng Conrad, người con thứ hơn các người con khác. Ông coi Conrad như người kế vị mình. Sự thiên tư này đã là nguồn gốc gây nên mối thù oán... dữ dằn giữa người anh út với

anh mình. Họ gây chiến đấu với nhau và Conrad bại trận. Sau đó ít lâu, Conrad từ trần trong tinh thần sám hối. Nhưng những tranh chấp tương tàn và những cái tang này đã làm cho vị bá tước còn tránh xa thế sự hơn nữa.

Thánh nữ Hedviga thiết lập một nhà dòng khổ tu ở gần Breslau... Gertrude, người con gái duy nhất còn sống cho tới khi thánh nữ từ trần sẽ làm bề trên tu viện này. Nơi đây các em gái mồ côi và nghèo túng tìm được chỗ dung thân, chúng được đào tạo để trở nên những bà mẹ tốt trong gia đình hơn là để theo đuổi ơn kêu gọi. Riêng thánh nữ Hedviga lại đóng vai trò người tô tở rửa chân cho các người phong cùi. Lời Ngài mang lại hạnh phúc cho những ai tới gần và gặp gỡ Ngài.

Trong một cuộc chiến, bá tước Henri bị bá tước miền Warzava cầm tù. Ông này từ chối mọi thỏa hiệp, để cứu cha, công tử Henri II muốn khởi binh. Nhưng thánh nữ Hedviga muốn tránh đổ máu nhiều hơn nữa, Ngài đích thân đến gặp kẻ chiến thắng. Gặp Ngài, ông ta bỗng dịu lại và chấp nhận thỏa hiệp. Vị bá tước được trả tự do. Nhưng vì vết thương quá trầm trọng, ông qua đời năm 1238.

Hedviga đau lòng, nhưng vâng ý Chúa, Ngài mặc áo dòng ở Treibnitz, và dù không tuyên bố lời khấn, Ngài trung thành với các bổn phận, dưới sự điều khiển của con mình là Gertrude. Làm những việc thấp hèn, phục vụ những người nghèo khổ, Ngài nói với các nữ tu:

– Các chị là hôn thê của Chúa Giêsu, còn tôi chỉ là tô tở Người.

Sau ba năm goá bụa, thánh Hedviga còn chịu một nỗi thống

khổ chót, đó là cái chết của Hênri II... Ông đã ngã gục trong cuộc chiến chống lại người Rartares. Thánh Nữ Hedviga đã linh cảm thấy trước về cái chết này. Một bản tường thuật ghi lại rằng, vào một buổi tối hôm khởi chiến, thánh nữ đánh thức một chị bạn và nói:

– Demundis ơi ! chị biết, tôi đã mất con rồi. Đứa con yêu dấu đã xa tôi như con chim gãy cánh. Tôi sẽ không còn thấy nó trên trần gian này nữa.

Ba ngày sau, một nguồn tin xác quyết này, thánh Hedviga nói:

– Đó là ý Chúa. Điều Chúa muốn và vui thỏa cũng phải làm cho chúng ta mãn nguyện.

Và vui mừng trong Chúa Ngài nói:

– Lạy Chúa, con cảm tạ Chúa đã ban cho con được những đứa con như vậy. Suốt đời nó thương mến con và không hề làm gì cho con đau lòng. Con muốn có nó trong đời. Nhưng con hết lòng chúc tụng Chúa về việc đổ máu của nó, khiến nó được kết hợp với Chúa trên trời là đáng tạo thành nên nó.

Thánh nữ vẫn tiếp tục theo đuổi con đường thẳng tiến. Ngài đã trải qua những buổi cầu nguyện thâu đêm. Các sử gia còn ghi lại nhiều phép lạ thánh nữ đã thực hiện. Cuối cùng, Ngài được mạc khải cho biết trước giờ chết của mình.

Dầu không có gì trầm trọng, Ngài đã xin được lãnh các bí tích sau hết. Khi vừa rước Mình Thánh Chúa và cầu nguyện được hai tiếng: “Lạy Chúa, Lạy Chúa” thì Ngài từ trần. Hôm đó là ngày 15 tháng 10 năm 1243, năm 1267, nghĩa là 24 năm sau, Ngài được suy tôn lên bậc hiển thánh.

## Thánh Simon Tông Đồ

Ngày 28-10

Tân ước ngoài việc đặt thánh Simon vào danh sách nhóm 12, đã không cung ứng một chỉ dẫn trực tiếp nào liên quan đến vị tông đồ này. Ngài được phân biệt với Simon Phêrô bằng danh hiệu “nhiệt thành” (*Lc 6,15; Cv 1,13*), một danh hiệu không có ý nói rằng: Ngài là phần tử thuộc nhóm quá khích Do thái mang tên này, nhưng chỉ cho biết nhiệt tâm của Ngài đối với lề luật. Theo tiếng Aram, nhiệt thành là “Cana”.

Điều này giải thích tại sao các thánh sử nhất lãm gọi Ngài là người xứ Cana (*Mt 10,4; Mc 3,18*). Có người cho rằng sinh quán của người là Galilêa. Một truyền thống còn nói thánh Simon là chàng rể phụ trong tiệc cưới tại Cana (*Ga 2,1-12*). Sách các thánh tử đạo kể rằng Simon sau khi chứng kiến phép lạ của Chúa Kitô, đã “bỏ rượu”, bỏ lễ cưới để theo Chúa Kitô và được liệt vào số các tông đồ. Thực sự, chẳng có chứng cứ lịch sử nào nói tới việc này.

Cũng như thánh Giacôbê Hậu, có lẽ thánh Simon là một trong các “anh em của Chúa” (Mc 6,3). Nhưng người ta không thể đồng hóa thánh tông đồ với thánh Simon mà theo truyền thống là Đấng kế vị anh mình làm giám mục Giêrusalem.

Chúng ta không thu lượm được chi nhiều về hoạt động và cái chết của vị tông đồ. Có những tường thuật cho rằng: Ngài đi truyền giáo ở Phi Châu và các đảo Britania. Những tường thuật này không có nền tảng. Một truyền thống khác cho rằng Ngài đi truyền giáo ở Ai cập và cuối cùng ở Batư. Truyền thống này đáng tin hơn.

Nhiều nguồn tài liệu đồng ý cho rằng Ngài chịu tử đạo ở Batư. Một số ít hơn nói rằng Ngài cùng chịu tử đạo với thánh Giuda. Dầu vậy, vì không có tài liệu nào đủ tính cách cổ kính nên khó nói rõ về nơi chốn và hoàn cảnh thánh nhân qua đời.



## Thánh Giuda Tông Đồ

Ngày 28-10

Vị tông đồ này mang nhiều tên khác nhau như Tadêo (*Mt 10,3; Mc 3,18*) hay Giuda (*Lc 6,16; Cv 1,13*).

Chính Ngài là vị tông đồ trong cuộc đàm luận sau bữa tiệc ly đã hỏi Chúa Giêsu:

– Thưa Thầy, tại sao Thầy tỏ mình ra cho chúng con mà không cho thế gian?

Chúng ta có thể đồng hóa Ngài với tác giả bức thư, trong đó có trình bày Ngài là: “Giuda, nô lệ của đức Giêsu Kitô, anh em với Giacôbê” (*Gl 1*) không? Thực sự tiếng Hy Lạp phải đọc câu văn này như ở *Lc 6,16* là: “Giuda, con của Giacôbê“. Hơn nữa câu 17 của bức thư, tác giả như tách mình ra khỏi số 12. Dĩ nhiên, điều này không làm giảm giá sự chính lục của bức thư. Có thể nói, tác giả “anh em với Chúa” (*Mc 6,3*) không phải là tông đồ nhưng có thể giá trong Giáo hội sơ khai như Giacôbê (*Cv 15,13*).

Thánh Giuda tông đồ, theo truyền thống, đã đi rao giảng Tin Mừng ở Mesopotamina và chịu tử đạo ở đó.

Một thời Ngài được tôn kính như đấng bảo trợ cho các trường hợp “vô vọng”. Lòng sùng kính này bị quên lãng, có lẽ vì Ngài trùng tên với Giuda phản bội.